

だい か
第1課

あいさつ きほんひょうげん
挨拶・基本表現

Bài 1

Chào hỏi / Cách nói cơ bản

Unit 1

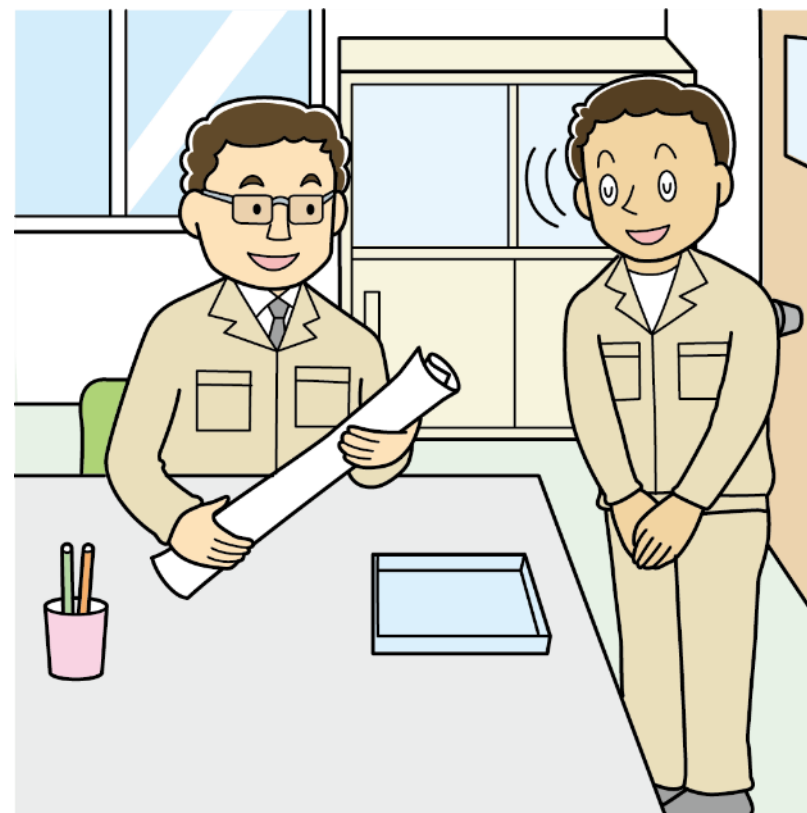
じっしゅうせい きょう げんば つ
実習生のクオンさんは、今日の現場に着きました。

Unit 1

Thực tập sinh Cường đã đến công trường của ngày hôm nay.

Unit 1 - 1

クオン たなか
 田中さん、おはようございます。
たなか きょう
田中 おはよう、今日もよろしくね。
クオン はい、がんばります。



Cường Chào buổi sáng, anh Tanaka.
Tanaka Chào buổi sáng. Hôm nay anh cũng giúp đỡ tôi nhé.
Cường Vâng. Tôi sẽ cố gắng.

あいさつ にんげんかんけい つく たいせつ
挨拶は人間関係を作るために大切です。
じぶん はな
自分から話しかけてみましょう。

Chào hỏi là điều rất quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ với những người khác.

Bạn hãy chủ động chào hỏi.

Unit 2

じっしゅうせい しどういん たなか しどう う
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんから指導を受けています。

Unit 2

Thực tập sinh Cường đang được người hướng dẫn Tanaka chỉ dẫn.

Unit 2 - 1

たなか 田中 はじ
 じゃ、始めます。
 クオン おね
 よろしく願ひします。
 たなか 田中 きょう まる つか かた
 今日は丸のこの使い方をやってみよう。
 クオン まる
 すみません。丸のこってどれですか。
 たなか 田中 だよ
 これだよ。
 クオン あ、わかりました。
 ありがとうございます。

Tanaka Nào chúng ta bắt đầu.
 Cường Nhờ anh chỉ bảo giúp đỡ tôi.
 Tanaka Hôm nay chúng ta thử cách dùng máy cưa đĩa.
 Cường Xin lỗi anh, máy cưa đĩa là cái nào?
 Tanaka Là cái này.
 Cường À, tôi hiểu rồi.
 Cảm ơn anh.



さぎょう まえ かなら しつもん かくにん
 わからないことがあったら、作業の前に 必ず質問したり、確認したりしま
 しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
 đầu công việc.

Unit 2 - 2

たなか
田中 クオンさん、どうしたの？

クオン これは、どうやって使いますか。
いちどおし
もう一度教えてください。

たなか
田中 いいよ。よく見て。

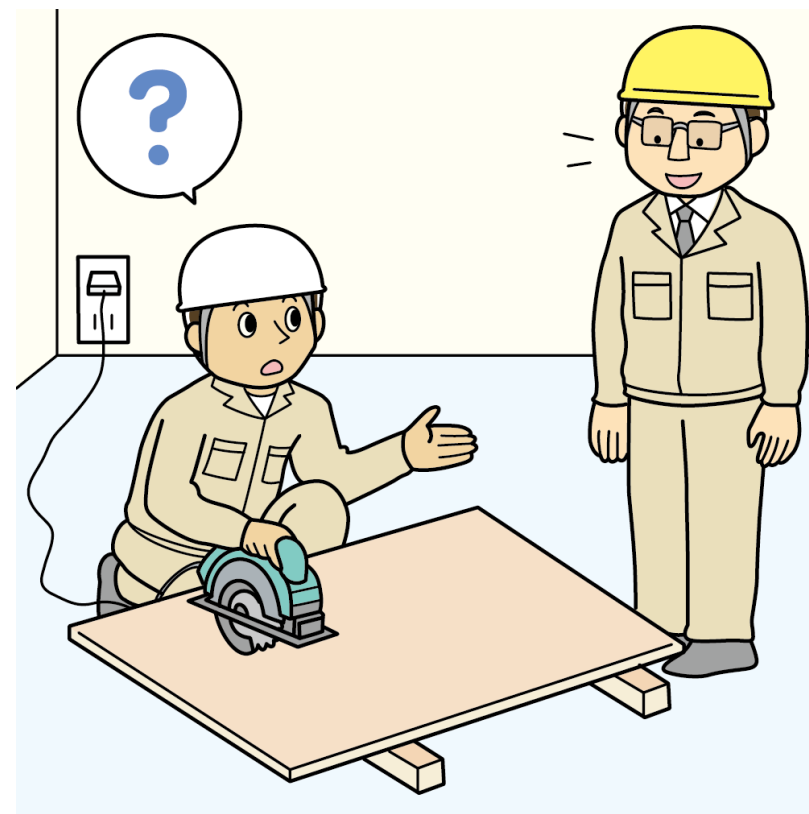
クオン はい、お願いします。

Tanaka Anh Cường sao vậy?

Cường Cái này dùng như thế nào ạ?
Anh hướng dẫn lại cho tôi với.

Tanaka Được thôi. Anh nhìn kỹ nhé.

Cường Vâng, cảm ơn anh.



わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしま
しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 3

じっしゅうせい せんぱい さ と う たの も
実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんに頼まれてはしごを持ってきました。

Unit 3

Thực tập sinh Cường mang thang lại theo lời nhờ của đàn anh Sato.

Unit 3 - 1

さとう 佐藤 そこじゃないよ、こっちだよ。

クオン あ、すみません。
ここに置きますか。

さとう 佐藤 うん、そこに置いといて。

クオン はい、わかりました。

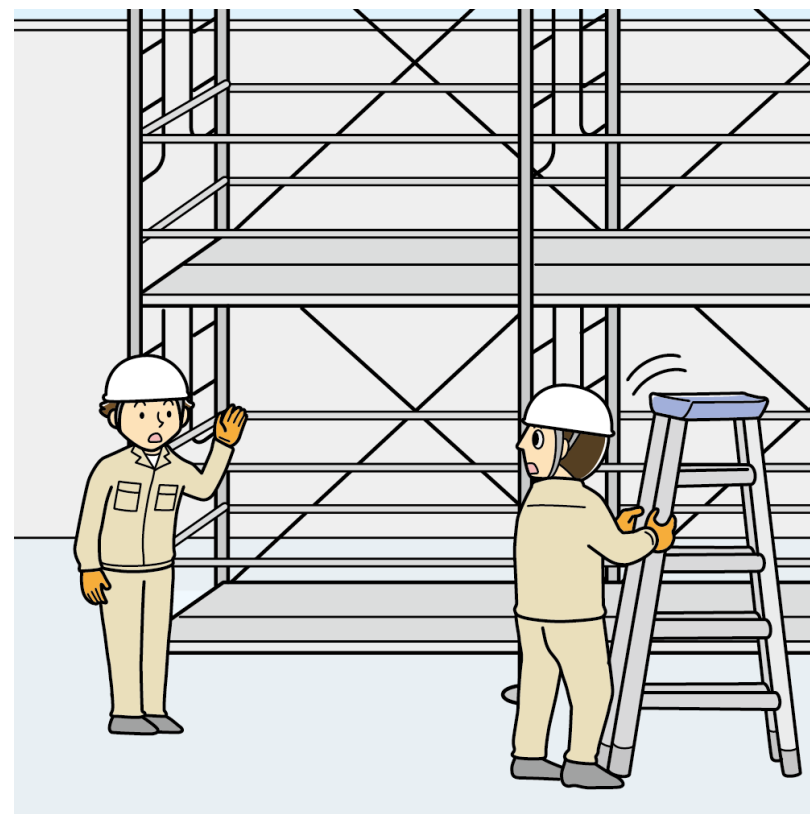
Sato Không phải chỗ đó, chỗ này cơ.

Cường Ô, tôi xin lỗi.

Tôi để đây ạ?

Sato Ừ, để chỗ đó đi.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt đầu công việc.

だい か
第2課

し じ
とっさの指示

Bài 2

Chỉ thị cần phản xạ ngay

Unit 1

じっしゅうせい さぎょう
実習生のクオンさんは、作業をしています。

せんぱい さとう きけん こうい ちゅうい
先輩の佐藤さんに危険な行為を注意されます。

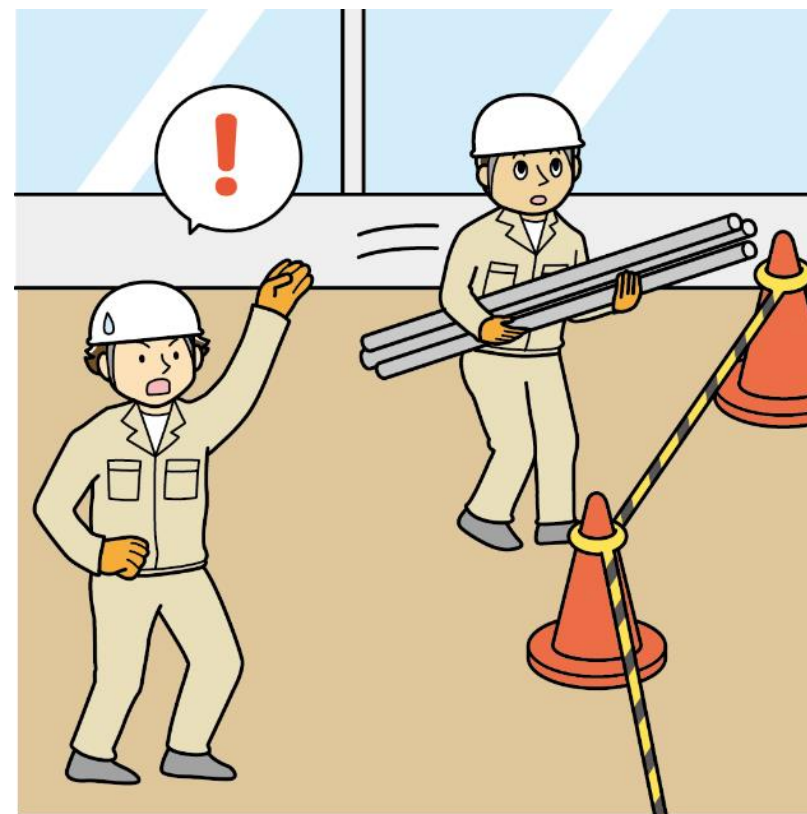
Unit 1

Thực tập sinh Cường đang thao tác.

Anh bị đàn anh Sato nhắc nhở vì hành động nguy hiểm.

Unit 1 - 1

さとう
佐藤 ぼんやりするな！
 ケガするぞ。
クオン すみません。



Sato Đừng có lơ đãng!
 Bị thương đấy!
Cường Dạ. Tôi xin lỗi.

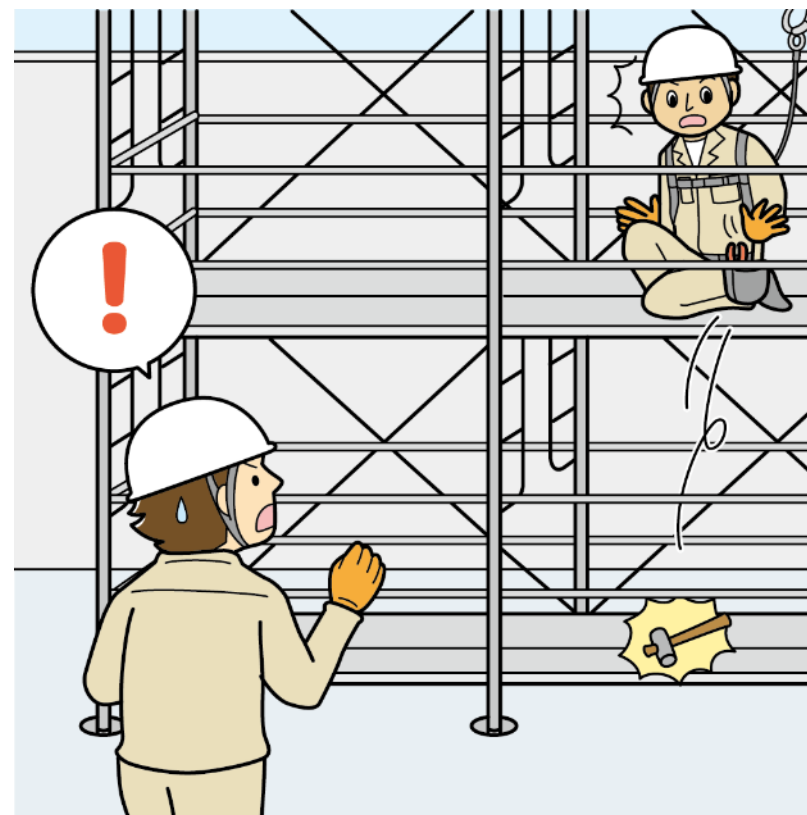
けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 1 - 2

さとう
佐藤 ばかやろう!
あぶ
危ない!
クオン すみません。

Sato Ngu thế!
 Nguy hiểm!
Cường Dạ. Tôi xin lỗi.

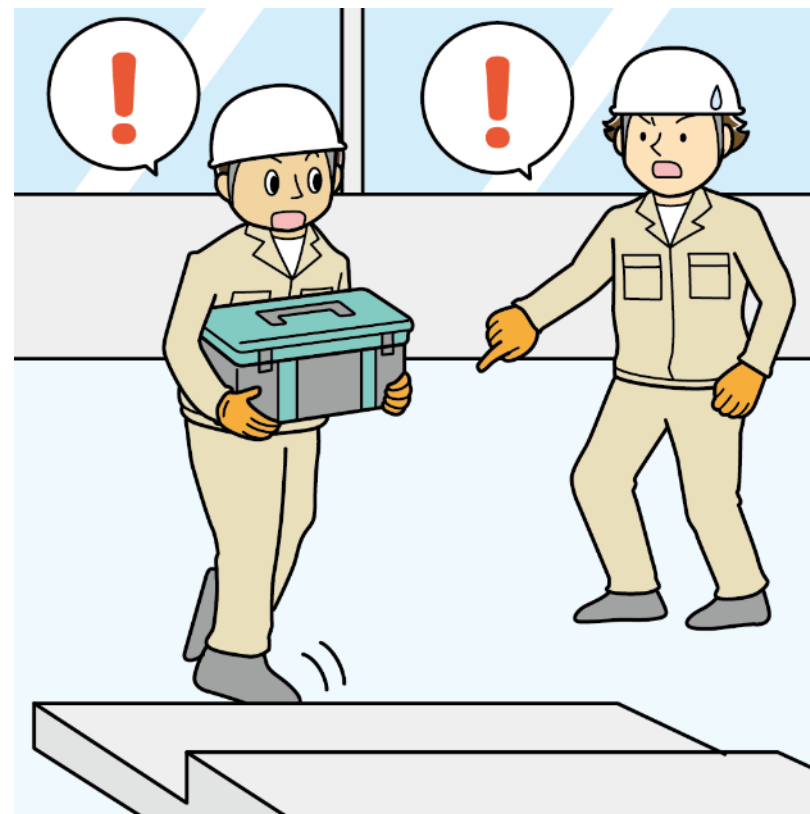


けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 1 - 3

さとう あぶ あしもと
佐藤 危ない、足元！
クオン すみません。



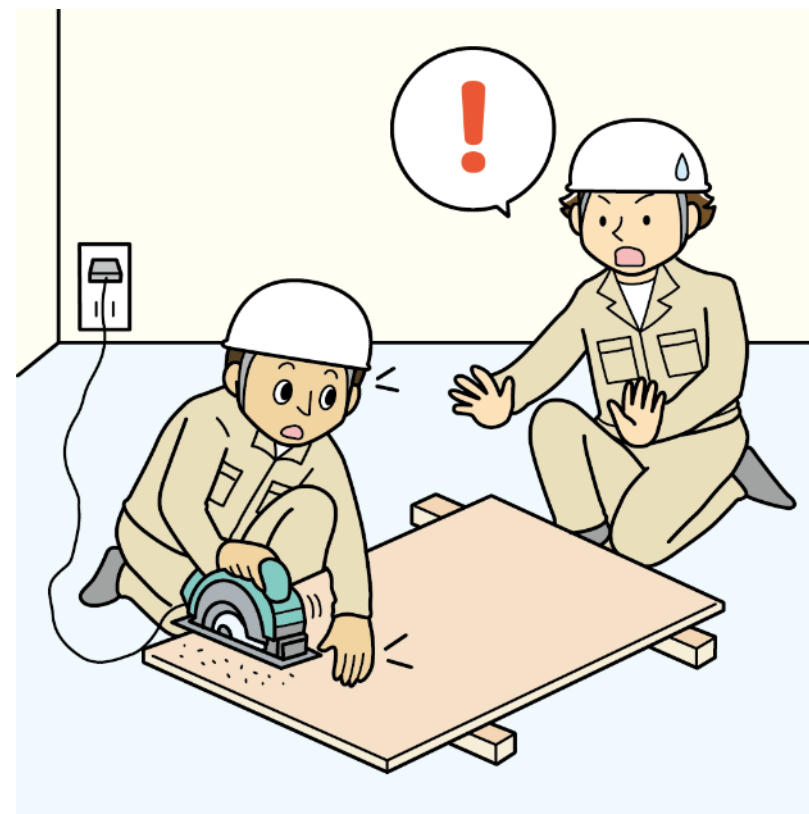
Sato Chân kia! Nguy hiểm!
Cường Dạ vâng ạ.

けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 1 - 4

さとう ひだりて
佐藤 おい、左手！
クオン すみません。



Sato Kia! Tay trái!
Cường Dạ vâng ạ.

けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 1 - 5

さとう はし
佐藤 走るな！
クオン はい、すみません。



Sato Không chạy!
Cường Dạ vâng ạ.

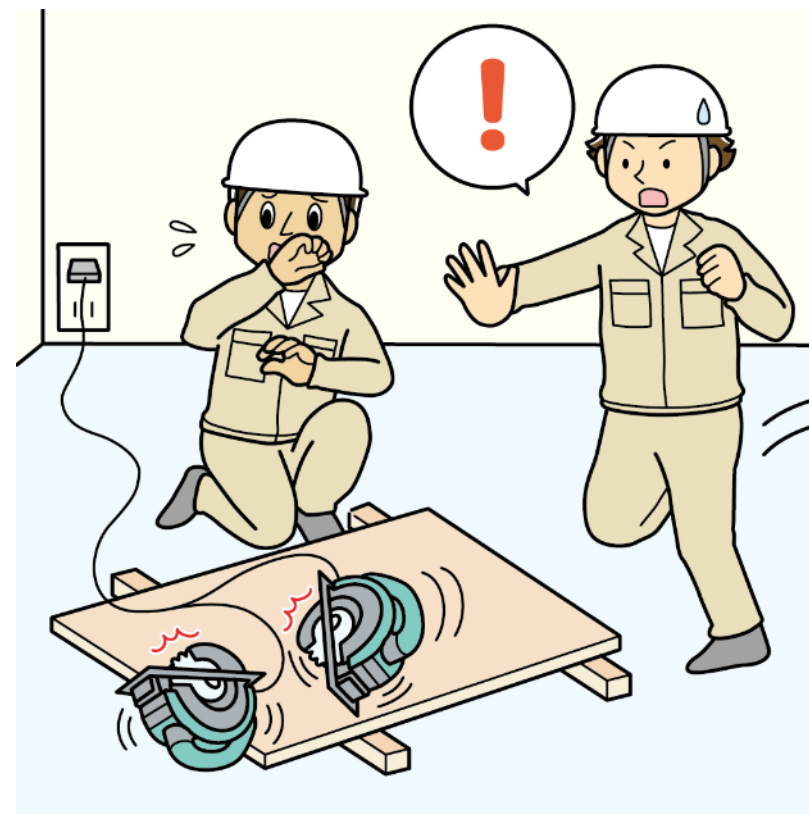
けんせつげんば とし おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 1 - 6

さとう 佐藤
クオン

でんげん き 電源を切れ!
はい、すみません。



Sato 佐藤
Cường 强

Tắt nguồn điện đi!
Dạ vâng ạ.

けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 2

げんば じしん はっせい
現場で地震が発生しました。

Unit 2

Đã xảy ra động đất tại công trường

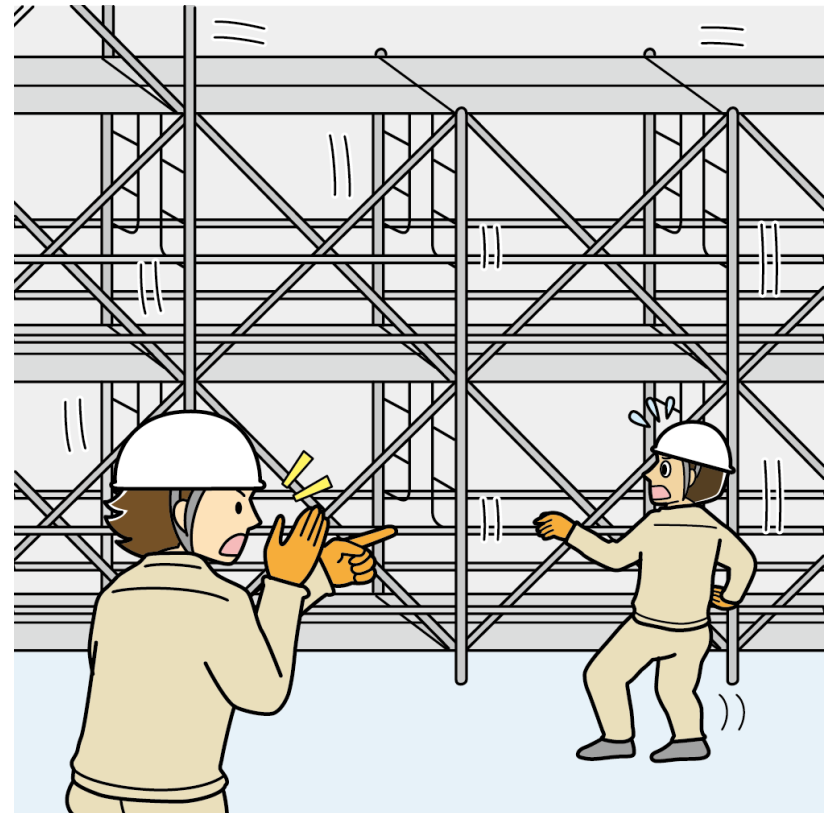
Unit 2 - 1

さとう
佐藤

に
・逃げろ!
はな
・離れろ!

Sato

・Chạy đi!
・Rời khỏi đó ngay!



Unit 3

さぎょうば かさい はっせい
作業場で火災が発生しました。

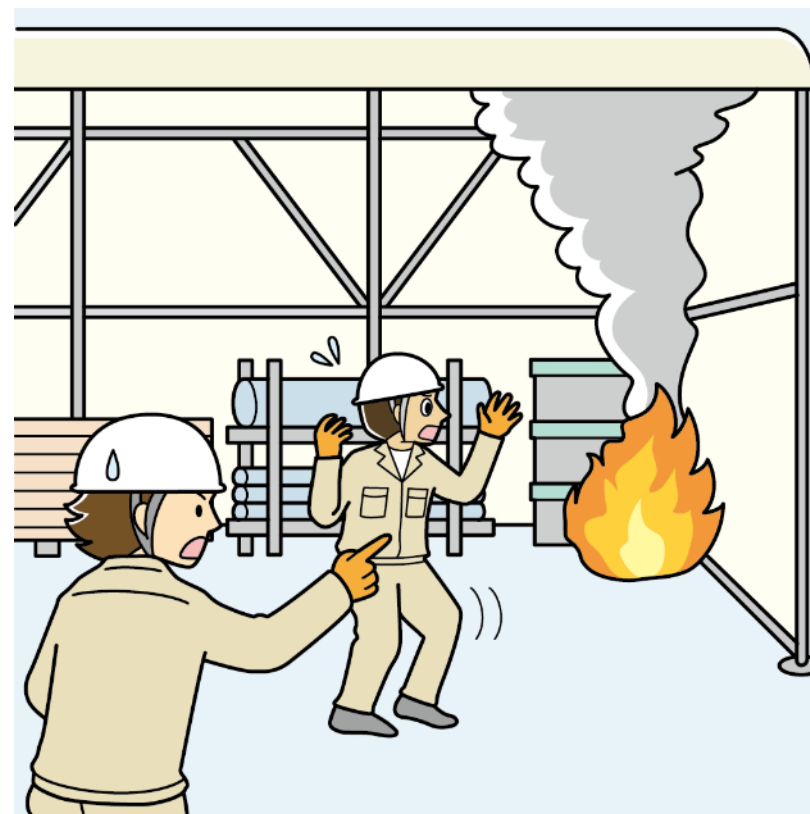
Unit 3

Đã xảy ra hỏa hoạn tại khu vực gia công vật liệu

Unit 3 - 1

さとう
佐藤

- か じ ひ け
・火事だ、火を消せ!
- しょうかき も
・消火器、持ってこい!
- けむり す
・煙を吸うな!



Sato

- ・Có cháy! Dập lửa!
- ・Mang bình chữa cháy lại đây!
- ・Đừng hít khói!

だい か
第3課

Bài 3

ひょうじり か い
表示理解

Hiểu các biển báo

Unit 1

じっしゅうせい たちいりきんしくいきない はい
実習生のクオンさんは、立入禁止区域内に入ってしまいました。

しどういん たなか とお
そこに指導員の田中さんが通りかかりました。

Unit 1

Thực tập sinh Cường lỡ đi vào khu vực cấm vào. Đúng lúc đó người hướng dẫn Tanaka đi ngang qua.

Unit 1 - 1

たなか
田中 クオンさん、そこ、「立入禁止」って書いてあるだろう。

クオン たちいりきんし…？
なん
何ですか。

たなか
田中 はい
入っちゃダメってことだよ。

クオン すみません。
き
これから気をつけます。

Tanaka Anh Cường, ở đó ghi là 「立入禁止 (たちいりきんし)」*cơ mà.

Cường Tachiiri kinshi...

Nghĩa là gì ạ?

Tanaka Nghĩa là không được vào.

Cường Tôi xin lỗi.

Sau này tôi sẽ chú ý.

*Cấm vào



わからないことがあったら、必ず^{かなら}質問^{しつもん}したり、確認^{かくにん}したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra.

Unit 2

じっしゅうせい しどういん たなか げんば なか あんない
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんから現場の中を案内してもらって
います。

Unit 2

Thực tập sinh Cường đang được người hướng dẫn Tanaka giới thiệu bên
trong công trường.

Unit 2 - 1

クオン たなか なん
田中さん、これは何ですか。

たなか かいこうぶちゅうい か
田中 これは「開口部注意」って書いてあるんだよ。

クオン かいこ…???

たなか 「かいこうぶちゅうい」。

あな き い み
穴があるから気をつけろって意味だよ。

あな
クオン 穴ですね。

わかりました。

き
気をつけます。

Cường Anh Tanaka, đây là cái gì vậy?

Tanaka Cái này ghi là 「開口部注意 (かいこうぶちゅうい)」*.

Cường Kaiko...???

Tanaka 「かいこうぶちゅうい"Kaikobu chui"」*.

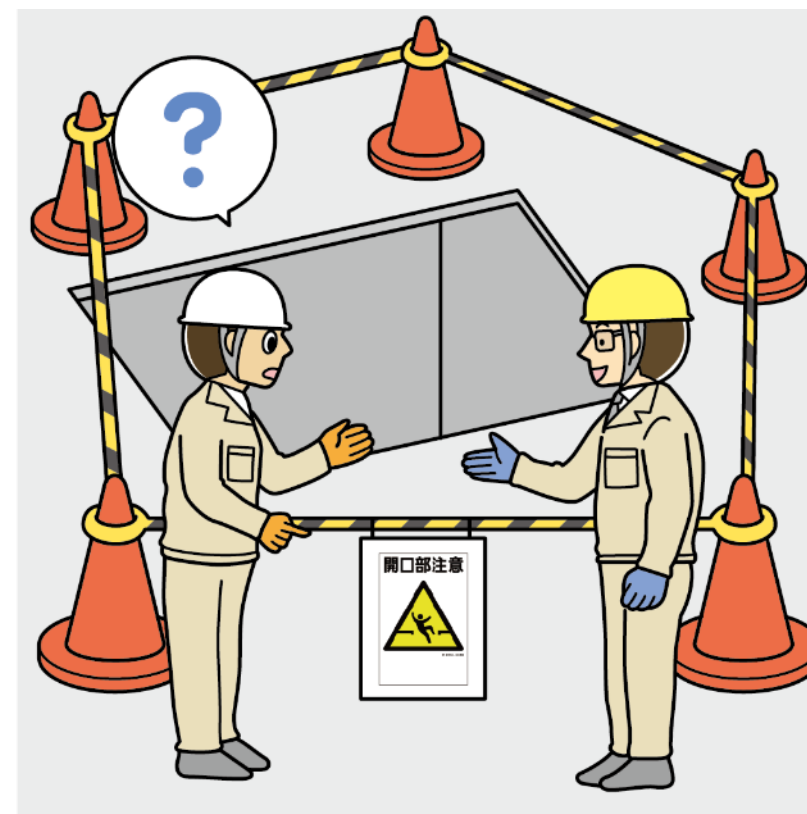
Nghĩa là có lỗ hổng nên hãy cẩn thận.

Cường À lỗ hổng.

Tôi hiểu rồi.

Tôi sẽ cẩn thận.

*Chú ý lỗ mở



わからないことがあったら、必ず^{かなら}質問^{しつもん}したり、確認^{かくにん}したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra.

Unit 2 - 2

たなか 田中 げんば ひょうじ
現場にはいろいろな表示があるからね。
これ、見て。

クオン はい。

たなか 田中 せいりせいとん
これは「整理整頓」。
げんば かた
現場はいつもきれいに片づけてね。

クオン いちど ねが
すみません、もう一度お願いします。

たなか 田中 「せいりせいとん」。

「きれいに片づける」ってこと。

クオン わかりました。ありがとうございます。

Tanaka Trong công trường có rất nhiều loại biển báo.
Anh hãy nhìn cái này.

Cường Vâng.

Tanaka Đây là 「整理整頓(せいりせいとん)」*
Luôn nhớ dọn dẹp sạch trong công trường.

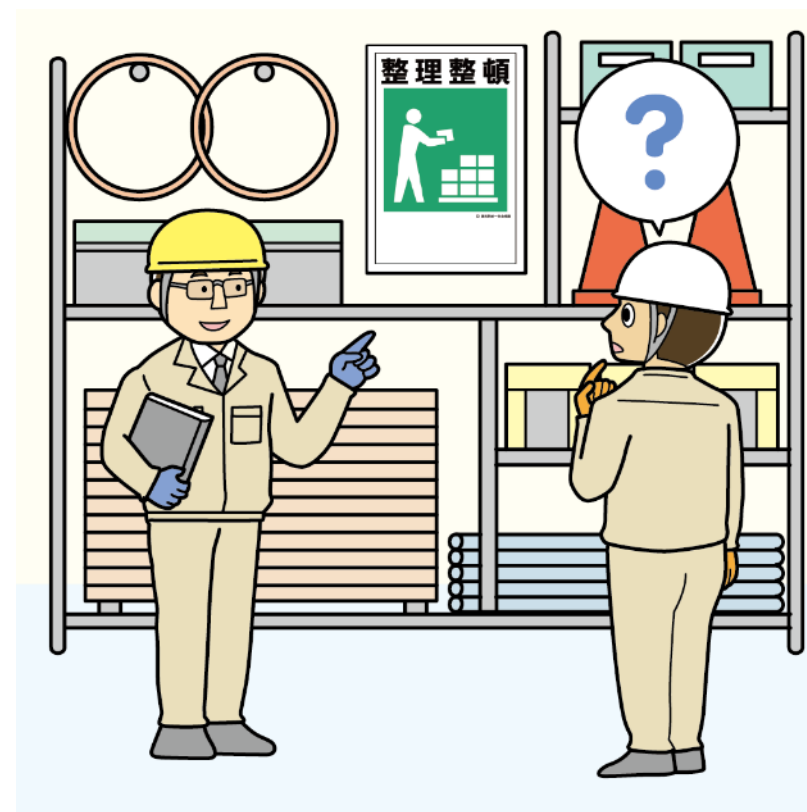
Cường Xin lỗi, anh làm ơn nói lại một lần nữa.

Tanaka 「せいりせいとん"Seiri seiton"」*

Nghĩa là "Dọn dẹp ngăn nắp sạch sẽ"

Cường Tôi hiểu rồi. Cảm ơn anh.

*Sắp xếp chỉnh đốn



わからないことがあったら、必ず^{かなら}質問^{しつもん}したり、確認^{かくにん}したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra.

だい か
第4課

きんたいか んり
勤怠管理

Bài 4

Quản lý chấm công

Unit 1

じっしゅうせい しぎょうじかん さぎょうげんば き
実習生のクオンさんは、始業時間に作業現場に来ていません。

しどういん たなか じむしょ じっしゅうせい ま
指導員の田中さんは、事務所で実習生のクオンさんを待っています。

Unit 1

Đã đến giờ bắt đầu làm việc mà thực tập sinh Cường vẫn chưa đến nơi làm.

Người hướng dẫn Tanaka đang đợi Cường tại văn phòng.

Unit 1 - 1

たなか 田中 クオンさん、遅刻だよ。
クオン すみません。
ねぼう 寝坊してしまいました。
たなか 田中 だめだよ。
かいしゃ じかんげんしゅ 会社は時間厳守だよ。
はや い 早く行って。
クオン はい、わかりました。
これから気をつけます。

Tanaka Anh Cường đến muộn đấy.
Cường Tôi xin lỗi.
Tôi ngủ quên mất.
Tanaka Như vậy không được.
Cần nghiêm túc tuân thủ quy định giờ giấc của công ty.
Anh hãy đi sớm lên.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.
Từ nay tôi sẽ chú ý.



ちこく ばあい すみ かいしゃ れんらく
遅刻してしまう場合は、できるだけ速やかに会社に連絡しましょう。

Trong trường hợp bạn đến muộn, hãy cố gắng báo sớm cho công ty

Unit 2

じっしゅうせい あたま いた
実習生のクオンさんは、頭が痛いです。

しどういん たなか はな
指導員の田中さんに話します。

Unit 2

Thực tập sinh Cường bị đau đầu. Anh trao đổi với người hướng dẫn Tanaka.

Unit 2 - 1

クオン たなか 田中さん、すみません。
そうたい 早退してもいいですか。
あたま いた 頭が痛いです。
たなか 田中 だいじょうぶ 大丈夫？
……わかりました。
いいですよ。
クオン ありがとうございます。
さき しつれい お先に失礼します。

Cường Xin lỗi anh Tanaka!
Tôi có thể về sớm được không?
Tôi bị đau đầu.
Tanaka Anh có sao không?
...Thôi được rồi.
Anh có thể về.
Cường Cảm ơn anh.
Tôi xin phép về trước.



Unit 3

じっしゅうせい らいしゅう きんようび やす しどういん たなか
実習生のクオンさんは、来週の金曜日に休みたいので、指導員の田中さん
はな
に話します。

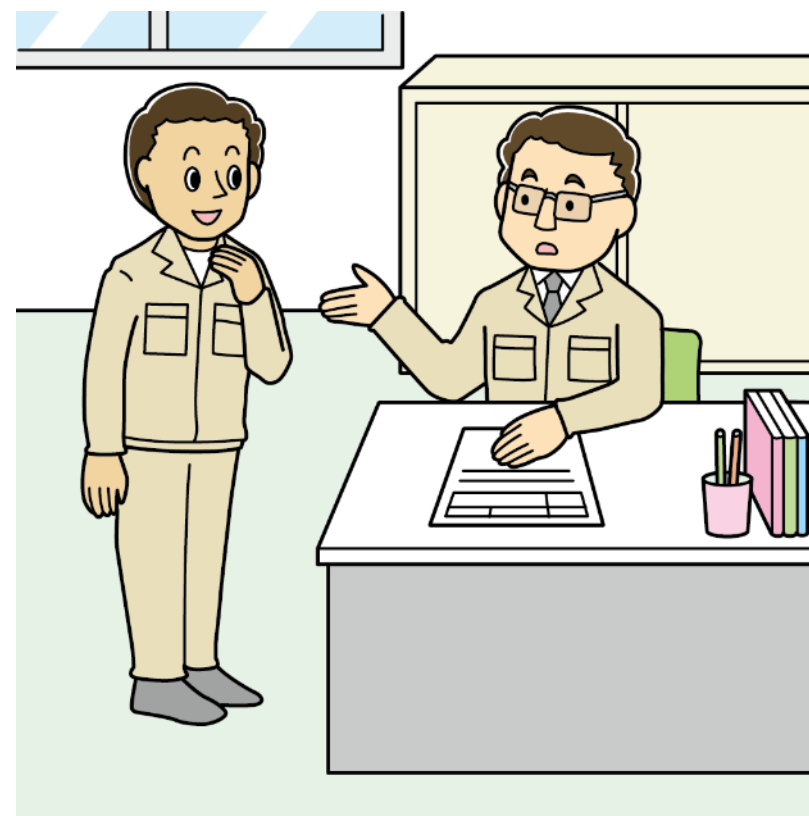
Unit 3

Thực tập sinh Cường muốn nghỉ vào thứ sáu tuần sau nên anh trao đổi với
người hướng dẫn Tanaka.

Unit 3 - 1

- クオン ^{たなか}田中さん、ちょっといいですか。
^{らいしゅう きんようび やす}来週の金曜日に休みたいです。
- ^{たなか}田中 いいですか。
- ^{たなか}田中 いいですよ。
^{ゆうきゅう}有休だね。
- クオン ^{しんせいしょ か わたし だ}じゃ、この申請書を書いて、私に出してください。
- クオン はい、わかりました。

- Cường Anh Tanaka, tôi có thể trao đổi với anh một chút được không?
Tôi muốn nghỉ thứ sáu tuần sau.
Có được không anh?
- Tanaka Được.
Nghỉ có lương nhé.
Vậy anh hãy viết đơn và nộp cho tôi.
- Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



^{きゅうか と}休暇を取りたいときはできるだけ^{はや}早めに^{つた}伝えましょう。

Khi muốn nghỉ phép, bạn hãy thông báo sớm với công ty.

だい か
第5課

Bài 5

あんぜん
安全

An toàn

Unit 1

しどういん たなか はこ も あんぜんつうろ ある
指導員の田中さんは、箱を持って安全通路を歩いています。

Unit 1

Người hướng dẫn Tanaka bê hộp đi trên lối đi an toàn.

Unit 1 - 1

たなか
田中 あ、あぶない！
だれ
誰だ！
こうぐ
こんなところに工具をおきっぱなしにしたのは。

クオン あ、すみません。
わたし
私です。

たなか
田中 すぐ片づけます。
かた
安全通路にはものを置くなよ！
あんぜんつうろ

クオン はい、わかりました。
き
気をつけます。

Tanaka Ôi, nguy hiểm quá!
Ai đây?
Ai để nguyên dụng cụ ở đây thế này?

Cường Ôi, tôi xin lỗi.
Tôi ạ.
Tôi cất ngay đây.

Tanaka Không được để đồ trên lối đi an toàn.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.
Tôi sẽ chú ý.



けんせつげんば とき おおごえ ど な
建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
あなたや周りの人の安全を守るためです。
まわ ひと あんぜん まも

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng
đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 2

じっしゅうせい きけん く いきない お ひろ
実習生のクオンさんは、危険区域内に落ちているごみを拾おうとしていま
す。

Unit 2

Thực tập sinh Cường định nhặt rác rơi trong khu vực nguy hiểm.

Unit 2 - 1

さとう 佐藤 ^{なに} おい、何やってんだ。
^{あぶ} 危ないぞ。
^{もど} 戻れ!

クオン すみません。
 ゴミがあります。

さとう 佐藤 ^{もど} いいから、戻ってこい!

クオン わかりました。
 さとう 佐藤 ^{かって なか はい} 勝手に中に入るな!

クオン すみませんでした。

Sato Đây, làm cái gì đây?
 Nguy hiểm đấy!
 Quay lại!

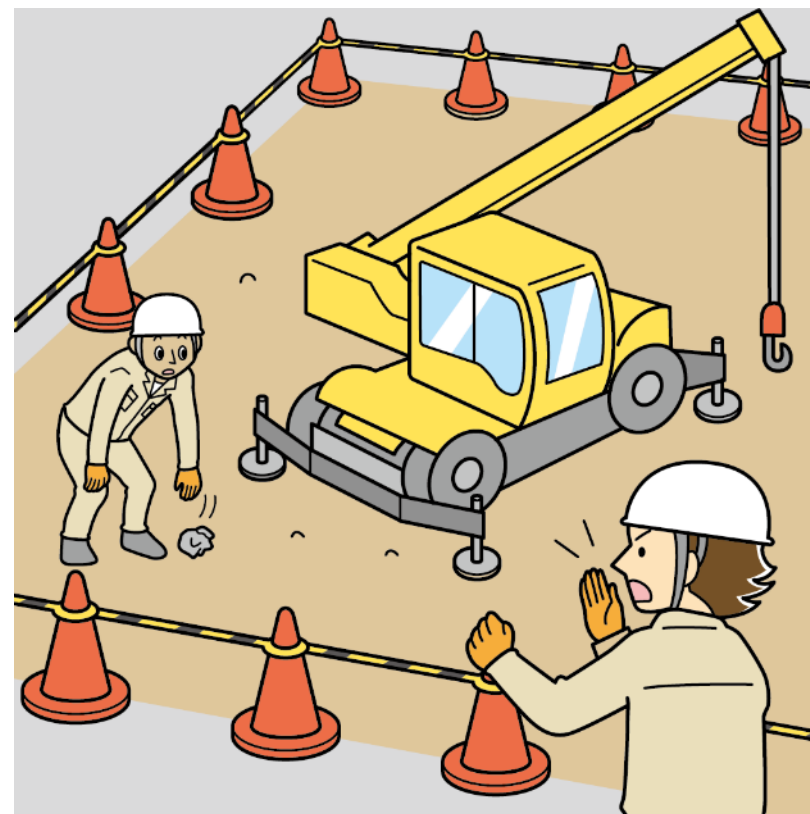
Cường Tôi xin lỗi.
 Có rác.

Sato Kệ nó, quay lại đây!

Cường Vâng.

Sato Không được tự tiện vào đó!

Cường Tôi xin lỗi.



^{けんせつげんば} 建設現場では、^{とき} 時に ^{おおごえ} 大声で ^ど 怒鳴られたりすることがありますが、それは
^{まわ} あなたや ^{ひと} 周りの人の ^{あんぜん} 安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

Unit 3

じっしゅうせい せんぱい さとう えんてんか さぎょう
実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんと炎天下で、作業をしています。

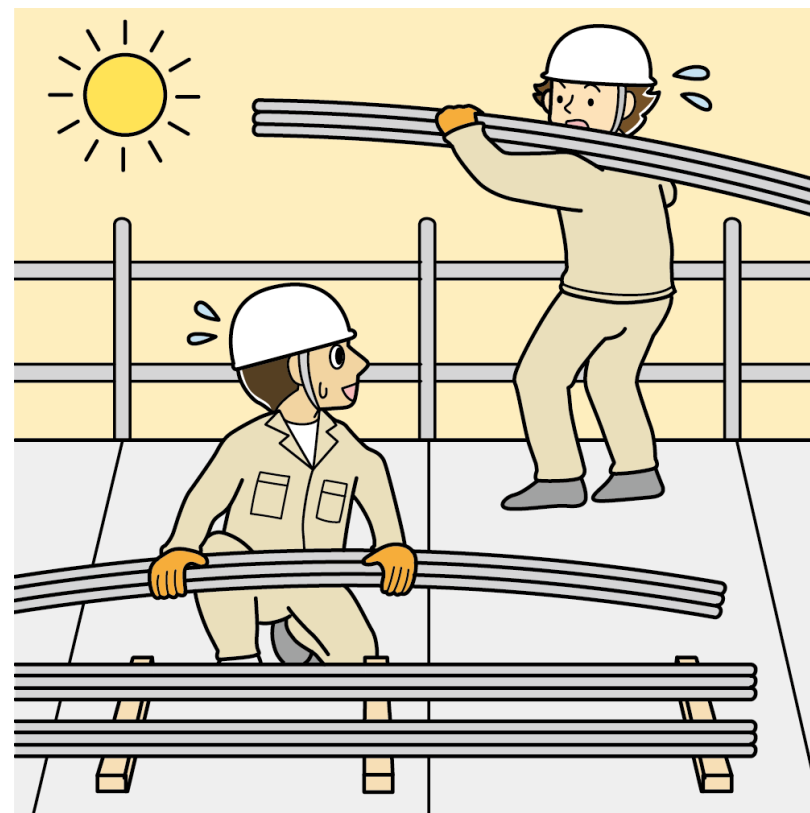
Unit 3

Thực tập sinh Cường đang cùng đàn anh Sato làm việc dưới nắng gay gắt.

Unit 3 - 1

さとう 佐藤 あつ 暑いなあ。
クオンくん、しばらく水を飲んでないけど大丈夫か？
クオン わたし あつ くに き だいじょうぶ 私 は暑い国から来たから、大丈夫ですよ。
さとう 佐藤 みず の ねっちゅうしょう いや、水を飲まないと熱中症になるぞ。
ちゃん^のと飲めよ。
クオン ねっちゅう…？
さとう 佐藤 「ねっちゅうしょう」。
あせ からだ すいぶん えんぶん ふそく ぐあい わる
たくさん汗をかくと、体^{からだ}の水分と塩分が不足して具合が悪くなるんだ。
とき たお し
ひどい時は倒れたり、死んでしまうこともあるんだ。
クオン わかりました。飲^のできます。

Sato Nóng quá.
Anh Cường, anh chưa uống nước được một lúc rồi, có ổn không vậy?
Cường Tôi đến từ đất nước có khí hậu nóng nực nên tôi không sao đâu.
Sato Không đâu, không uống nước là bị 「熱中症 (ねっちゅうしょう)」* đấy.
Anh uống nước đi.
Cường Necchu…?
Sato 「ねっちゅうしょう"Necchūshō"」*.
Khi toát nhiều mồ hôi thì nước và muối trong cơ thể cũng bị mất đi khiến cơ thể rối loạn.
Trường hợp nặng thì có thể bị mất ý thức hoặc tử vong.
Cường Tôi hiểu rồi. Tôi sẽ đi uống nước. *Sốc nhiệt/Say nắng



わからないことがあったら、必^{かなら}ず質^{しつもん}問したり、確^{かくにん}認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra..

Unit 4

じっしゅうせい えんてんか さぎょうちゅう きぶん わる
実習生のクオンさんは、炎天下の作業中に気分が悪くなりました。

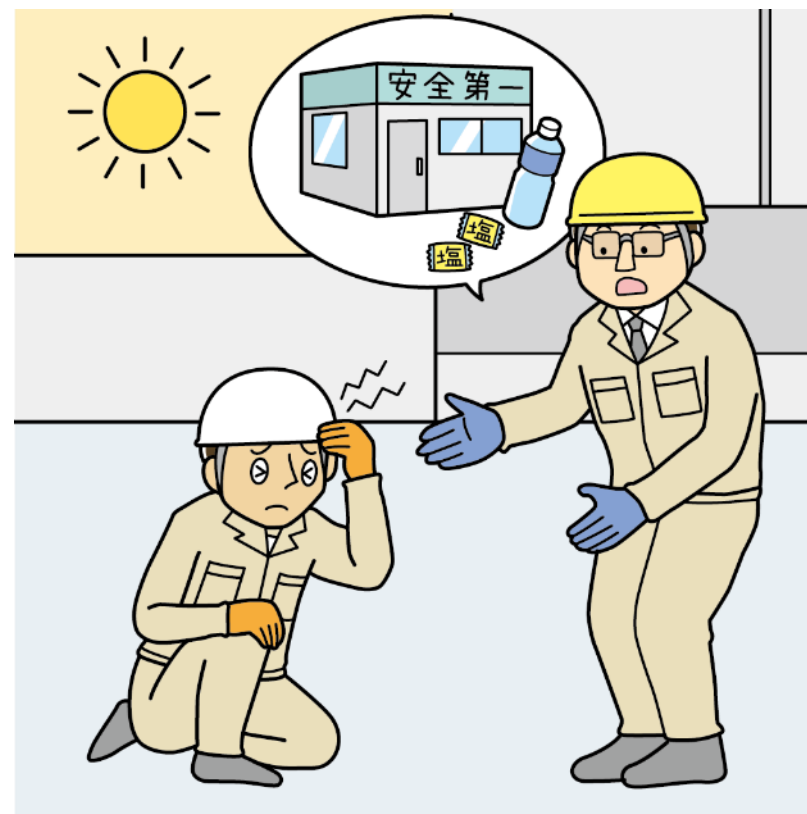
Unit 4

Thực tập sinh Cường cảm thấy khó ở khi đang làm việc dưới nắng gay gắt.

Unit 4 - 1

クオン (ハアハア)
たなか
田中 クオンさん、どうした？
だいじょうぶ
大丈夫か。
きぶん わる
クオン 気分が悪いです。
すこ あたま いた
少し 頭 も痛いです。
たなか
田中 それはよくないな。
じむしょ
事務所に戻ろう。
みず の えんぶん と
水を飲んで、塩分も取って。
やす
しばらく休んでいいから。
クオン はい、ありがとうございます。

Cường (Thở hổn hển)
Tanaka Anh Cường, sao vậy?
Anh ổn không?
Cường Tôi thấy khó ở.
Tôi hơi đau đầu nữa.
Tanaka Vậy là không ổn rồi.
Quay về văn phòng thôi.
Anh hãy uống nước và bổ sung muối.
Anh cứ nghỉ một lúc đi.
Cường Vâng, cảm ơn anh.



だい か
第6課

ふくそうかくにん
服装確認

Bài 6

Kiểm tra trang phục

Unit 1

じっしゅうせい さぎょうげんば い
実習生のクオンさんは、作業現場に行くところです。

しどういん たなか き
そこへ指導員の田中さんが来ました。

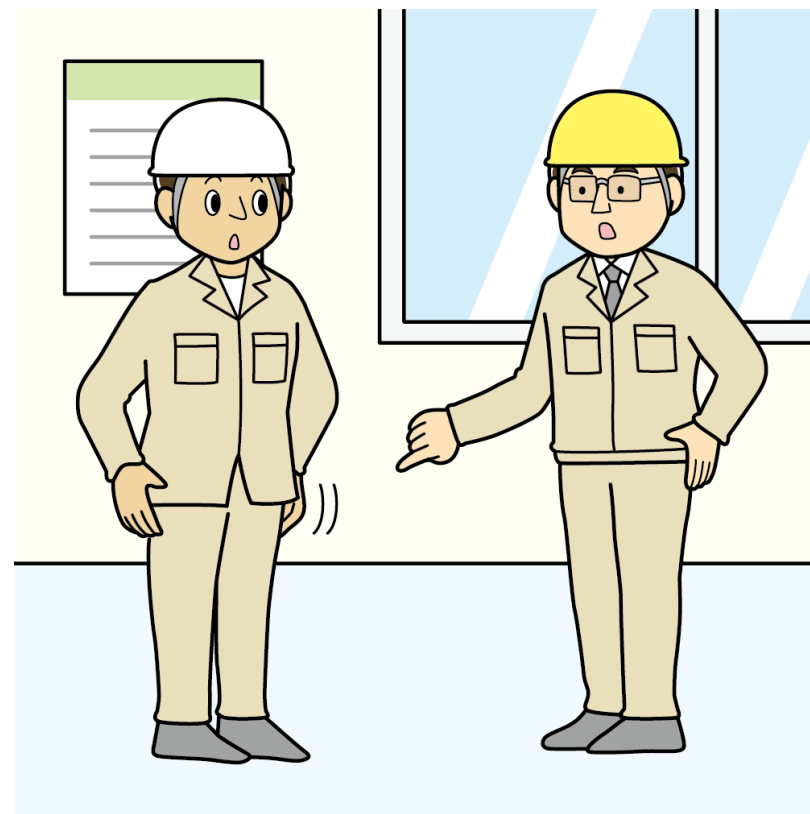
Unit 1

Thực tập sinh Cường đang chuẩn bị ra công trường thì người hướng dẫn
Tanaka đi đến.

Unit 1 - 1

たなか
田中 クオンさん、上着^{うわぎ}をズボン^いに入れて。
クオン あつ^{あつ}だ^だ暑いから、出してもいいですか。
たなか
田中 だめだよ。
うわぎ^{うわぎ}あぶ^{あぶ}上着がひっかかると危ないから。
クオン わかりました。
い^い
すぐ入れます。

Tanaka Anh Cường, anh cho áo vào trong quần đi.
Cường Trời nóng nên tôi có thể bỏ ra ngoài được không?
Tanaka Không được.
Nếu áo vướng vào đâu thì sẽ nguy hiểm.
Cường Tôi hiểu rồi.
Tôi sẽ cho vào ngay.



Unit 1 - 2

たなか
田中 くつ 靴ひもがほどけてるよ。

クオン すみません。

たなか
田中 くつ ふ あぶ 靴ひもを踏むと危ないよ。
ほどけないようにしっかり結^{むす}んで。

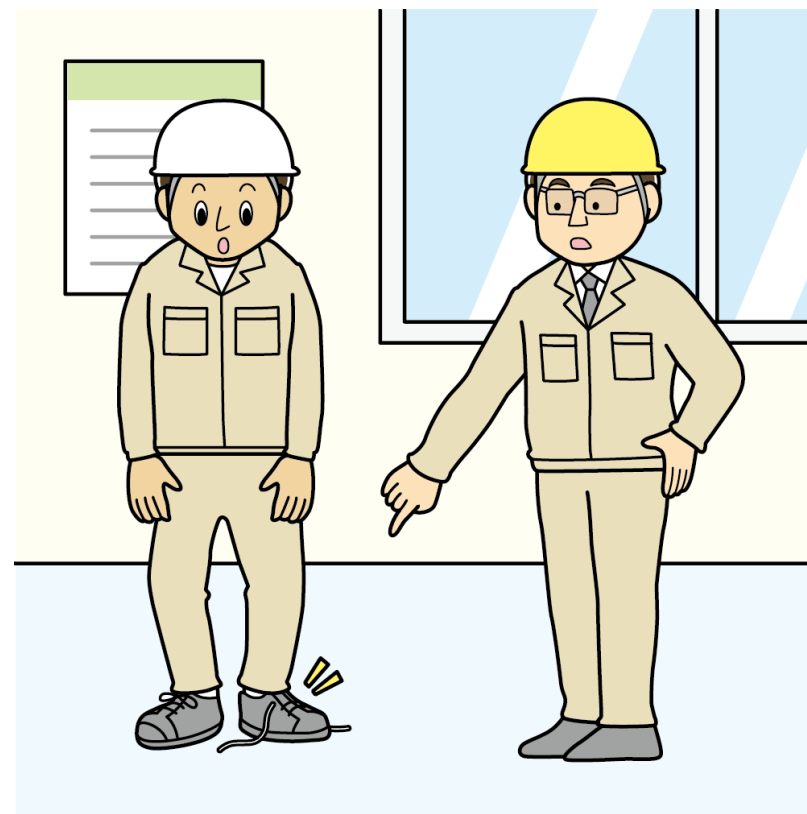
クオン わかりました。

Tanaka Dây giày anh bị tuột kia.

Cường Tôi xin lỗi.

Tanaka Nếu dẫm vào dây giày là nguy hiểm đấy.
Anh hãy buộc cho chặt để dây không bị tuột.

Cường Tôi hiểu rồi.



Unit 2

じっしゅうせい しどういん たなか ほ ご ぐ てんけん
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんと保護具の点検をしています。

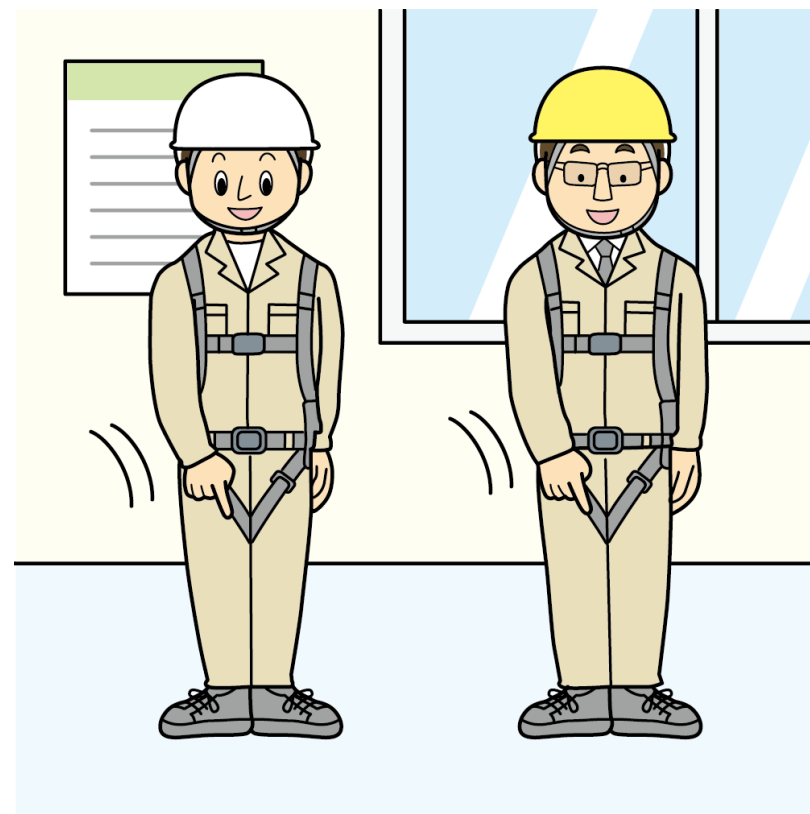
Unit 2

Thực tập sinh Cường đang cùng người hướng dẫn Tanaka kiểm tra đồ bảo hộ.

Unit 2 - 1

たなか 田中 ヘルメットのあご紐^{ひも つ}は付けてる？
クオン あ、忘れていました。
つ
付けます。
たなか 田中 あんぜんたい だいじょうぶ
安全帯は大丈夫？
クオン だいじょうぶ
はい、大丈夫です。
たなか 田中 くつ
靴は？
クオン だいじょうぶ
大丈夫です。
たなか 田中 あんぜんたい あしもと
ヘルメットよし！ 安全帯よし！ 足元よし！

Tanaka Anh cài quai mũ bảo hộ chưa?
Cường Ôi, tôi quên mất.
Tôi cài đây.
Tanaka Dây đai an toàn có ổn không?
Cường Ổn ạ.
Tanaka Giày thì sao?
Cường Ổn ạ.
Tanaka Mũ bảo hộ OK! Dây đai an toàn OK! Chân OK!



だい か
第7課

きんきゅうじ たい
緊急事態

Bài 7

Tình trạng khẩn cấp

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか さぎょう
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんと作業をしています。

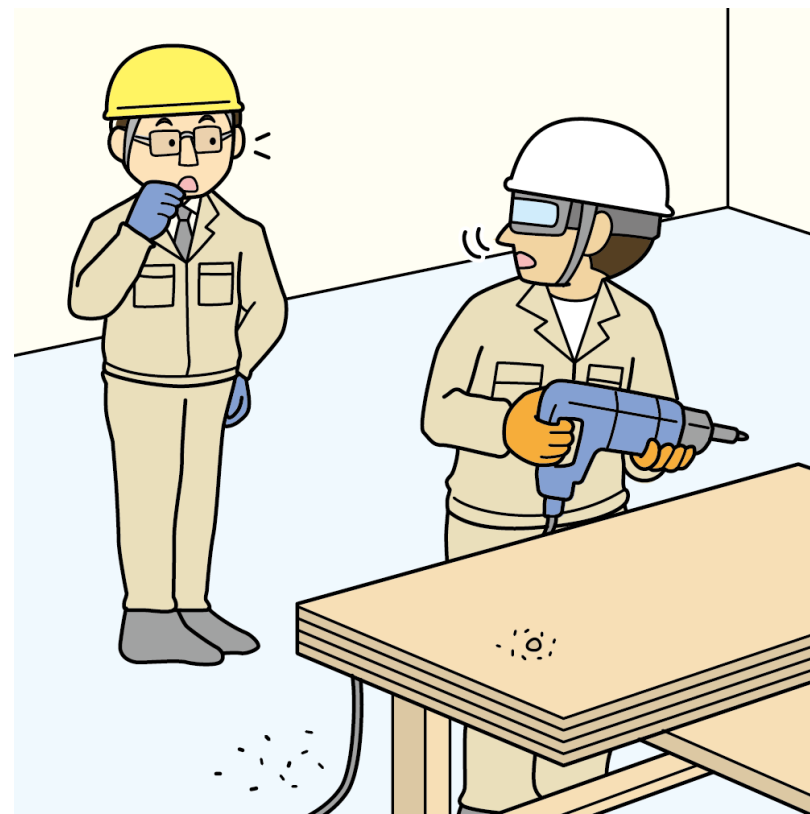
Unit 1

Thực tập sinh Cường đang cùng người hướng dẫn Tanaka thao tác.

Unit 1 - 1

クオン たなか へん
 田中さん、変なおいがします。
たなか
田中 ほんとだ。
 こ くさ
 焦げ臭いな。
 しら
 調べてみよう。

Cường Anh Tanaka, có mùi lạ.
Tanaka Ủi nhỉ.
 Khét quá.
 Tìm hiểu xem sao.



Unit 2

じっしゅうせい てっきん ま か こう き そう さ
実習生のクオンさんは、鉄筋曲げ加工機の操作をしています。

Unit 2

Thực tập sinh Cường đang điều khiển máy uốn cốt thép.

Unit 2 - 1

クオン うわー！^{たす}助けて！
たなか
田中 どうした。
クオン てぶくろ きかい
手袋が機械に…
たなか おおごえ しゅうい きかい と
田中 (大声で周囲に) 機械を止めろ！



Cường Ồi! Cứu tôi với!
Tanaka Sao thế?
Cường Găng tay của tôi bị cuốn vào máy...
Tanaka (Hô to với người xung quanh) Dừng máy lại!

Unit 3

じっしゅうせい せんぱい さとう さぎょう
実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんと作業しています。

Unit 3

Thực tập sinh Cường đang cùng làm việc với đàn anh Sato.

Unit 3 - 1

クオン ^{だれ}誰か!
^{だれ}誰か、来て!
^{さとう}佐藤さん ^{たいへん}が大変です。

たなか
田中 どうした!

クオン ^おはしごから落ちました。
^{うご}動きません。

たなか
田中 わかった。
^{いまい}今行く!

Cường Có ai đẩy không!
Có ai đến đây với!
Anh Sato có chuyện!

Tanaka Sao thế?

Cường Anh ấy rơi từ trên thang xuống.
Không cử động.

Tanaka Rõ rồi.
Tôi đến ngay!



だい か
第8課

ちょうれい
朝礼

Bài 8

Họp đầu giờ sáng

Unit 1

じっしゅうせい げんば みな たいそう たいそう
実習生のクオンさんは、現場の皆さんとラジオ体操をしています。ラジオ体操

お しどういん たなか じっしゅうせい はな
が終わって、指導員の田中さんが実習生のクオンさんに話します。

Unit 1

Thực tập sinh Cường đang tập thể dục theo radio cùng với mọi người ở công trường. Sau khi kết thúc bài tập thể dục, người hướng dẫn Tanaka nói với Cường.

Unit 1 - 1

たなか
田中 クオンさん、顔^{かお}色^{いろ}が悪^{わる}いけど、大^{だい}丈^{じょう}夫^ぶ？

クオン
朝^{あさ}からちよつと風^か邪^ぜっぽくて。

たなか
田中 そうか。

つらかったら、言^いって。

クオン はい、ありがとうございます。

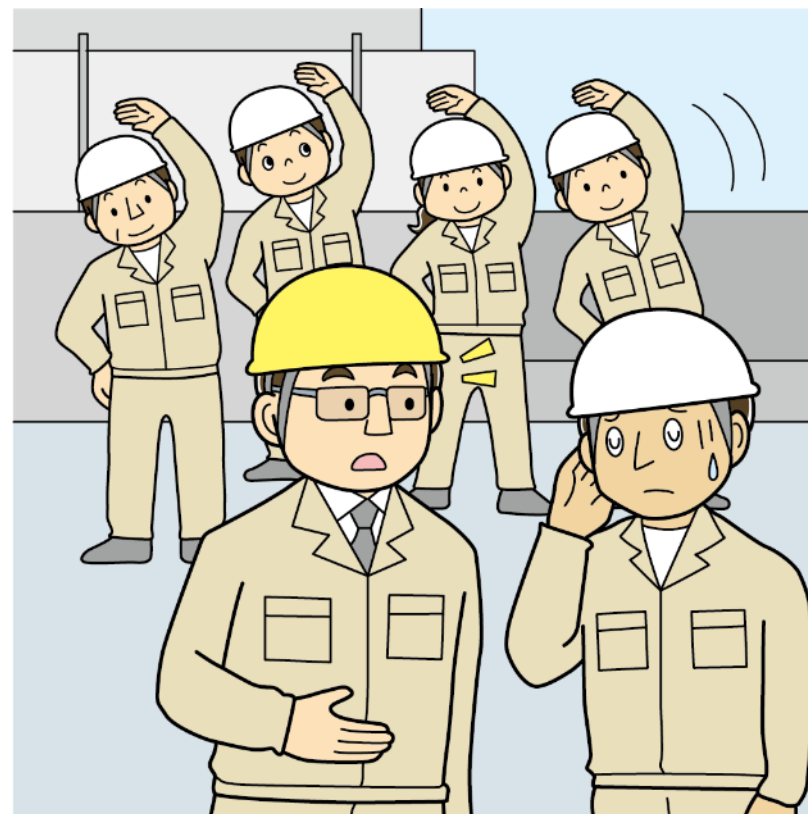
Tanaka Anh Cường, sắc mặt anh không tốt lắm. Anh ổn không?

Cường Tôi như hơi bị cảm từ sáng.

Tanaka Vậy à.

Nếu thấy mệt thì anh nói với tôi nhé.

Cường Vâng, cảm ơn anh.



Unit 2

しどういん たなか みな まえ きょう さぎょうないよう つた
指導員の田中さんは、皆さんの前で今日の作業内容を伝えます。

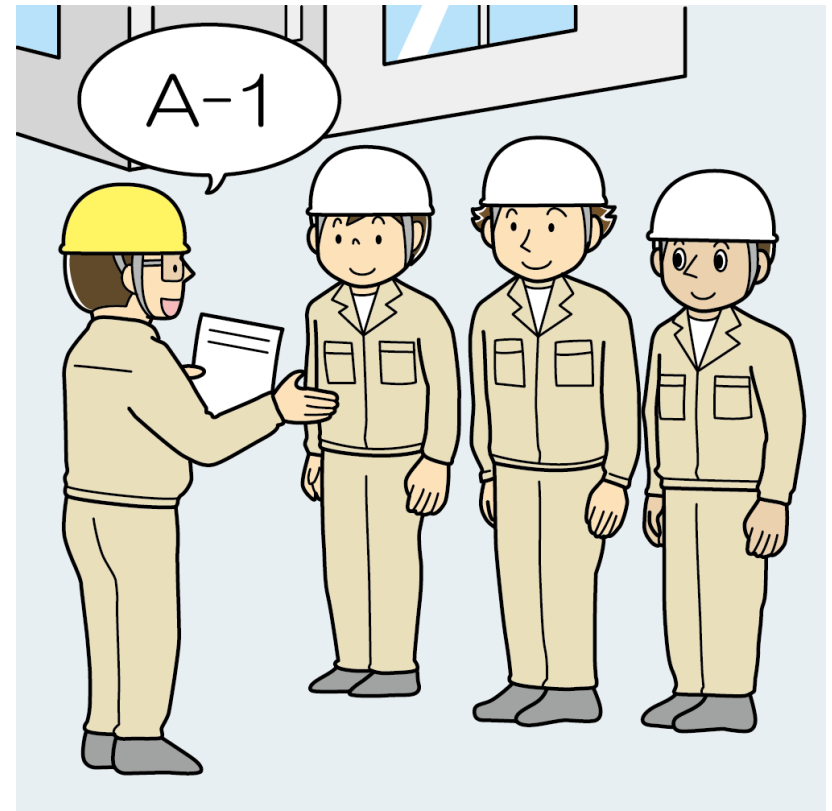
Unit 2

Người hướng dẫn Tanaka truyền đạt nội dung công việc hôm nay trước mặt
mọi người.

Unit 2 - 1

たなか 田中 きょう さぎょうないよう 今日^{きょう}の作業^{さぎょう}内容^{ないよう}ですが、A-1 で積み込み作業^{つこ さぎょう}です。
じんいん じんいん めい 人員^{じんいん}は 12 名^{めい}です。

クオン クオン はい。



Tanaka Công việc hôm nay là xếp hàng hóa tại khu vực A-1.

Có 12 nhân công.

Cường Rõ!

だい か
第9課

あんぜん かつどう
安全ミーティング(KY活動)

Bài 9

Họp về an toàn (Dự báo nguy hiểm)

Unit 1

しどういん たなか きょう さぎょう ちゅういてん はな
指導員の田中さんは、今日の作業の注意点について話しています。

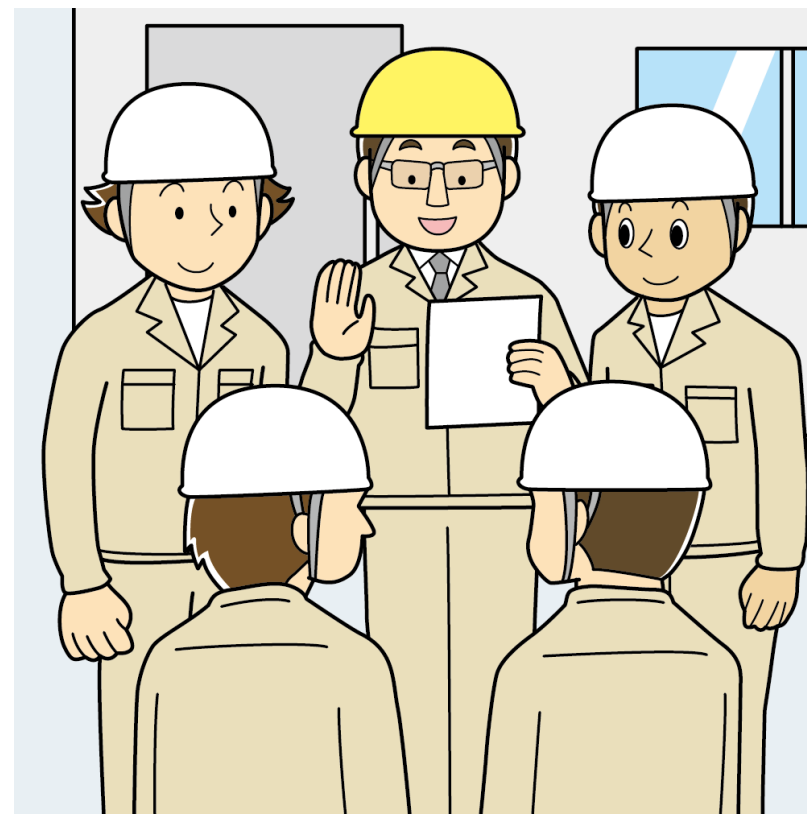
Unit 1

Người hướng dẫn Tanaka đang nói về những điều cần chú ý trong công việc hôm nay.

Unit 1 - 1

たなか 田中 きょう さぎょう あんぜんちゅういじこう きかい さぎょうはんい ない はい
今日の作業の安全注意事項ですが、機械の作業範囲内に入らない。
あいず
合図をしっかりとる。
しゅう なか き ゆる さぎょうてじゆん かくにん
週の半ばですが、気を緩めず、しっかり作業手順を確認してください。
いじょう
以上です。
クオン はい。

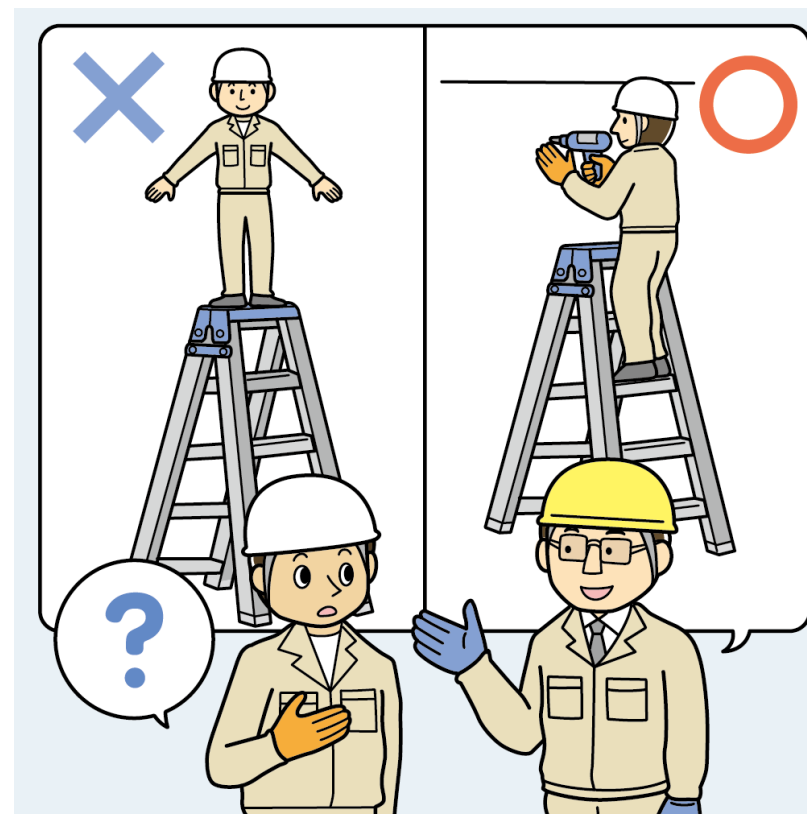
Tanaka Những điều cần chú ý về an toàn trong công việc hôm nay là: Không vào khu vực
máy móc thi công,
Ra hiệu chính xác.
Bây giờ là giữa tuần rồi, nhưng chúng ta không lơ là, kiểm tra kỹ trình tự thao tác.
Hết.
Cường Rồi!



Unit 1 - 2

たなか
田中 クオンさん、わからないことがあったらいつでも聞いて。
クオン はい。
あのう、どうして脚立の上に立ってはいけないんですか。
たなか てんばん た くず お
田中 天板に立つとバランスを崩して落ちるからだよ。
てんばん した た
天板より下に立ってね。
クオン わかりました。

Tanaka Anh Cường, nếu có gì chưa hiểu thì hãy hỏi tôi vào bất cứ lúc nào nhé.
Cường Vâng.
À, tại sao không được đứng trên thang xếp vậy anh?
Tanaka Vì nếu đứng lên đỉnh thang thì sẽ mất thăng bằng và ngã xuống.
Anh hãy đứng ở các bậc phía dưới đỉnh thang nhé.
Cường Tôi hiểu rồi.



わからないことがあったら、作業の前に 必ず質問したり、確認したりしま
しょう。
Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 2

しどういん たなか じっしゅうせい し さ こしょう
指導員の田中さんと実習生のクオンさんは、指差呼称をしています。

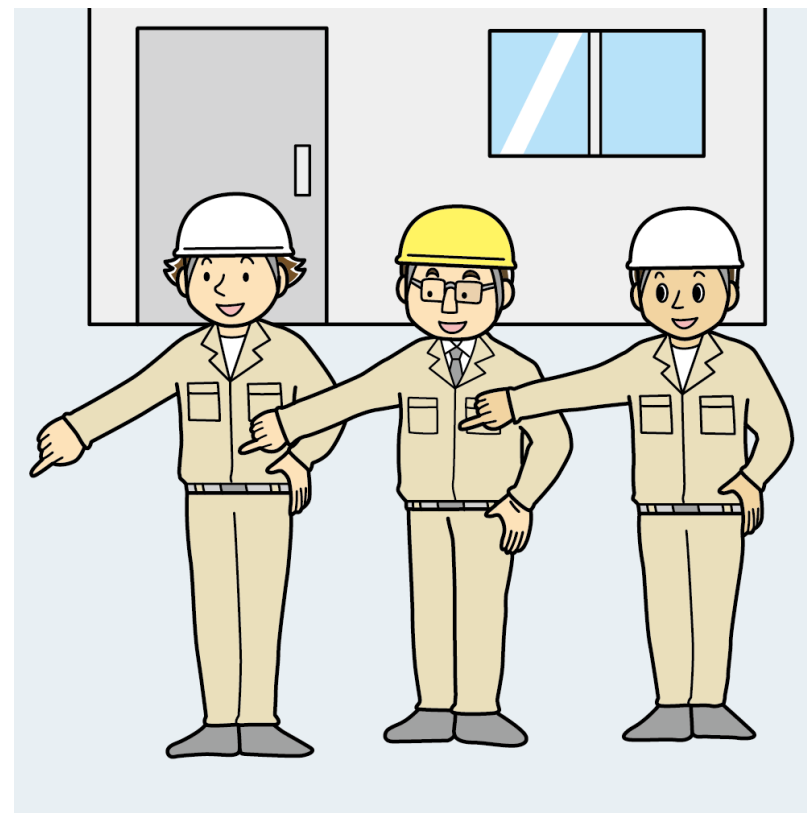
Unit 2

Người hướng dẫn Tanaka và thực tập sinh Cường đang tiến hành chỉ tay gọi tên.

Unit 2 - 1

たなか
田中
みんな
しゅういじょうきょうかくにん
周囲状況確認ヨシ!
しゅういじょうきょうかくにん
周囲状況確認ヨシ!
しゅういじょうきょうかくにん
周囲状況確認ヨシ!
しゅういじょうきょうかくにん
周囲状況確認ヨシ!
あんぜん
ご安全に!

Tanaka Kiểm tra tình hình xung quanh OK!
Mọi người Kiểm tra tình hình xung quanh OK!
 Kiểm tra tình hình xung quanh OK!
 Kiểm tra tình hình xung quanh OK!
 Giữ an toàn!



だい か
第10課

さぎょうかいしまえ てんけん
作業開始前の点検

Bài 10

Kiểm tra trước khi bắt đầu công việc

Unit 1

しどういん たなか じっしゅうせい まる てんけん
指導員の田中さんと実習生のクオンさんは、丸のこの点検をしています。

Unit 1

Người hướng dẫn Tanaka và thực tập sinh Cường đang kiểm tra máy cưa
đĩa.

Unit 1 - 1

クオン すみません。
まる てんけん
丸のこを点検しているんですが、ちょっといいですか。

たなか
田中 どうしたの。

クオン ここ、電源コードが切れています。

たなか
田中 ちょっと見せて。

あ、これは、使わないで。

クオン はい、わかりました。

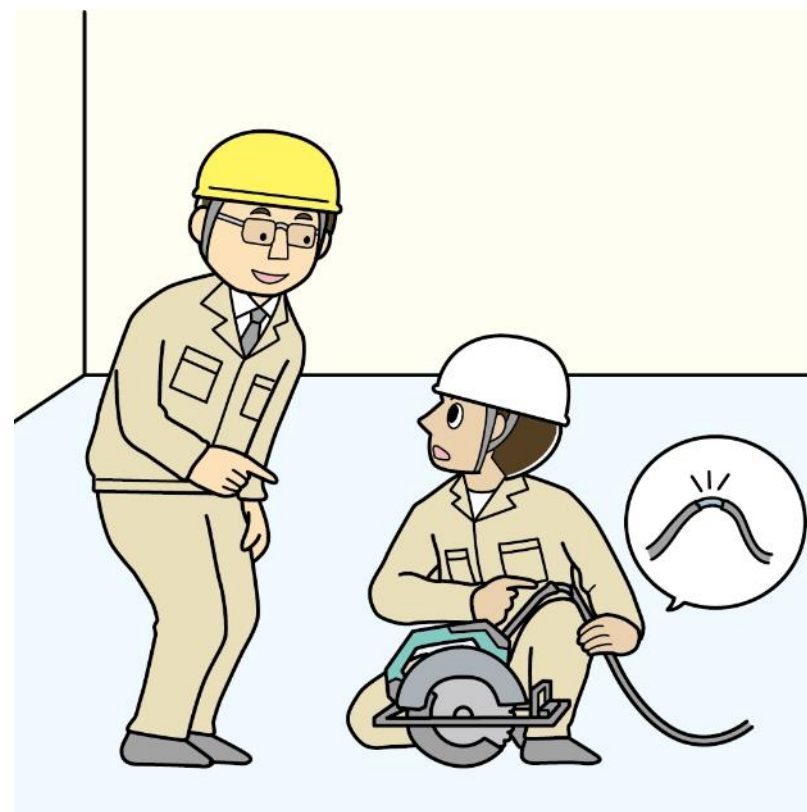
Cường Xin lỗi.
Tôi đang kiểm tra máy cưa đĩa. Anh cho tôi hỏi một chút có được không?

Tanaka Sao vậy?

Cường Dây điện bị đứt chỗ này.

Tanaka Đưa tôi xem nào.
À, anh đừng dùng cái này.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



だい か
第 11 課

さぎょう きょうつう
作業 共通

Bài 11

Công việc Chung

Unit 1

しどういん たなか じっしゅうせい に お
指導員の田中さんと実習生のクオンさんは、トラックから荷下ろしを
しています。

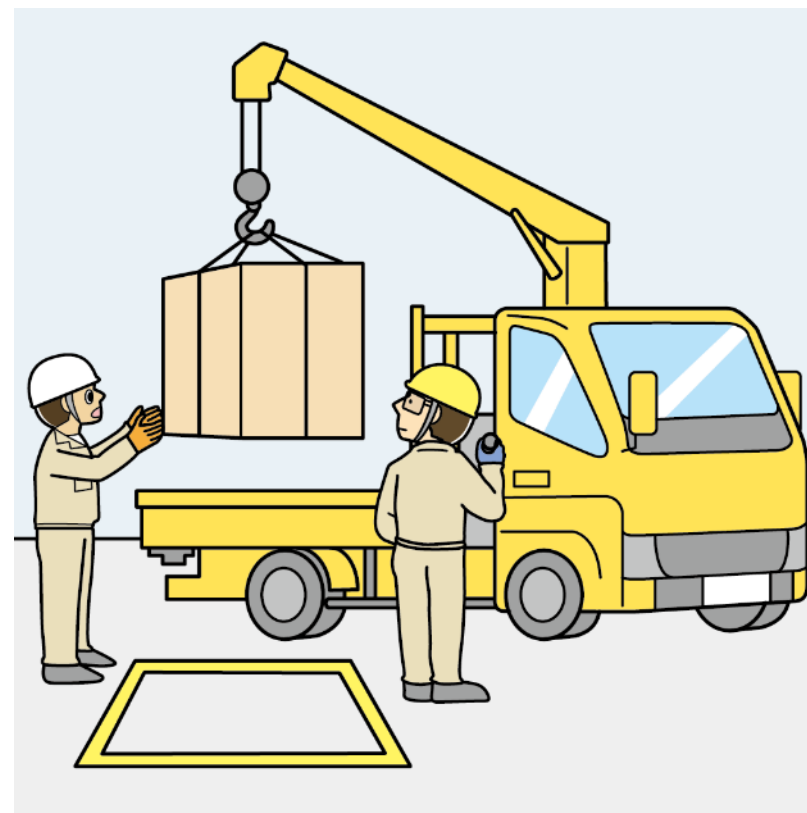
Unit 1

Người hướng dẫn Tanaka và thực tập sinh Cường đang bốc dỡ hàng từ trên
xe tải xuống.

Unit 1 - 1

田中 ^{いま にもつ お} 今から荷物を下ろすよ。
クオン ^お はい、どこに下ろしますか。
田中 ^{きいろ わく なか お} その黄色の枠の中に下ろすよ。
^{あぶ ぜったい にもつ した はい} 危ないから、絶対に荷物の下に入らないこと。
クオン はい、わかりました。

Tanaka Bây giờ chúng ta sẽ bốc dỡ hàng.
Cường Vâng. Dỡ xuống đâu anh?
Tanaka Dỡ và xếp hàng vào trong khung màu vàng đằng kia.
Sẽ nguy hiểm nên anh không được đi vào phía dưới hàng.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



^{さぎょう まえ かなら しつもん かくにん} わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt đầu công việc.

Unit 2

しどういん たなか じっしゅうせい にもつ し わ
指導員の田中さんと実習生のクオンさんは、荷物の仕分けをしています。

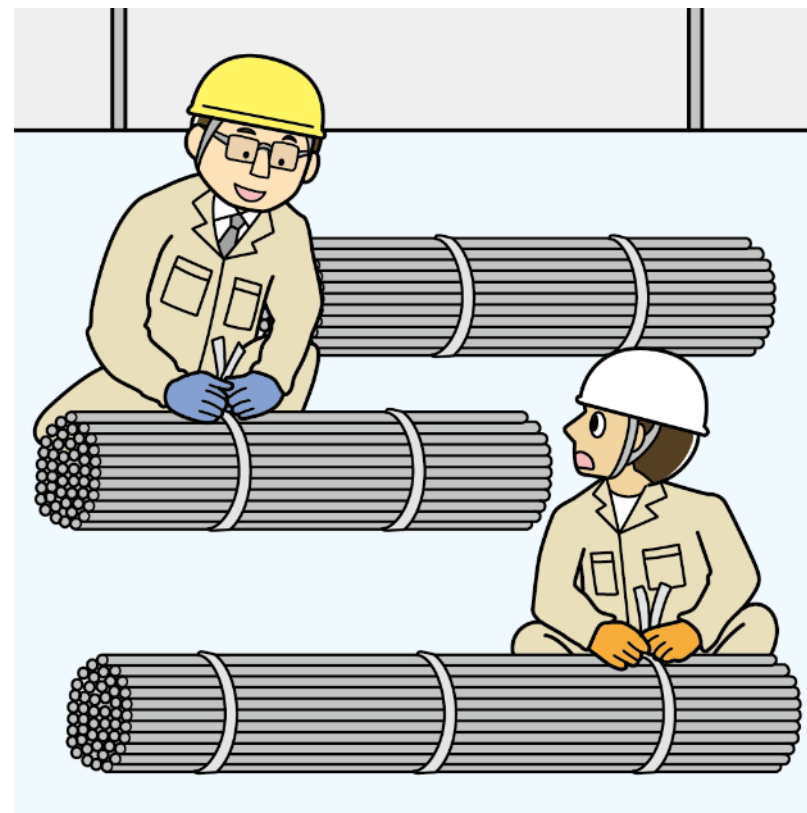
Unit 2

Người hướng dẫn Tanaka và thực tập sinh Cường đang phân loại hàng hóa.

Unit 2 - 1

たなか にもつ はず
 田中 荷物のロープを外すよ。
 て はさ き
 手を挟まないように気をつけて。
 クオン はい。
 ざいりょう も
 この材料はどこに持っていきますか。
 たなか しざい お ば も
 田中 それは資材置き場に持ってって。
 クオン しざい お ば
 資材置き場ですね。
 たなか
 田中 そう。
 なが べつ お
 長さ別に置いて。
 クオン はい、わかりました。

Tanaka Tôi tháo dây buộc hàng đây.
 Anh cẩn thận đừng để kẹp tay.
 Cường Vâng.
 Vật liệu này mang đi đâu anh?
 Tanaka Cái đó anh mang đến chỗ để vật liệu.
 Cường Chỗ để vật liệu.
 Tanaka Đúng rồi.
 Đề riêng theo độ dài nhé.
 Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



さぎょう まえ かなら しつもん かくにん
 わからないことがあったら、作業の前に 必ず質問したり、確認したりしま
 しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
 đầu công việc.

Unit 3

じっしゅうせい しどういん たなか じゅうき さぎょうはん いちか ある
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、重機の作業範囲近くを歩いて
います。

Unit 3

Thực tập sinh Cường và người hướng dẫn Tanaka đang đi bộ ở gần khu vực
làm việc của máy móc hạng nặng.

Unit 3 - 1

クオン ^{たなか} 田中さん、^{ひと なに}あの人は何をしているんですか。
たなか ^{ひと かんしん} 田中 ああ、あの人は監視員だよ。
^{じゅうき さぎょうはんい} 重機の作業範囲内に^{ひと はい}人が入らないように^み見てるんだ。
^き 気をつけないと^{おお}大きな^{じ こ}事故になるからね。
クオン わかりました。

Cường Anh Tanaka, người kia đang làm gì vậy?
Tanaka À, đó là giám sát viên.
Người đó giám sát để không có ai đi vào bên trong khu vực làm việc của máy móc hạng nặng.
Vì nếu không cẩn thận thì sẽ xảy ra tai nạn nghiêm trọng.
Cường Tôi hiểu rồi.



^{さぎょう まえ かなら しつもん かくにん} わからないことがあったら、作業の前に 必ず質問したり、確認したりしま
しょう。
Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 4

じっしゅうせい そうこ こうぐ と い きけんくいき よこぎ
実習生のクオンさんは、倉庫に工具を取りに行くために、危険区域を横切ろ
うとしています。

Unit 4

Thực tập sinh Cường đang định băng qua khu vực nguy hiểm để đi lấy dụng
cụ trong nhà kho.

Unit 4 - 1

たなか
田中 クオンさん、そこ^{とお}通らないで。
クオン そうこ まる と い
倉庫に丸のこを取りに行きたいんですが…
たなか
田中 あっちから^い行っで。
そこは^{た い きんし}立ち入り禁止だよ。
クオン えっ、でも…
たなか
田中 ちかみち きけんくいき とお
近道でも、危険区域は通らないで。
めんどう まも
面倒でもルールはいつも守ること。
じ こ おこ
事故を起こさないためだよ。
クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, không đi qua đó!
Cường Tôi muốn đến nhà kho lấy máy cưa đĩa…
Tanaka Anh đi từ đằng kia.
Chỗ anh đứng là chỗ cấm vào.
Cường Nhưng mà…
Tanaka Không được băng qua khu vực nguy hiểm cho dù đường có gần hơn.
Dù thấy ngại thì vẫn phải luôn luôn tuân thủ quy định.
Làm vậy là để không xảy ra tai nạn.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



だい か
第12課

さぎょう
作業 とび

Bài 12

Công việc

Làm việc trên cao

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか あしば く さぎょう
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんと足場を組む作業をしています。

Unit 1

Thực tập sinh Cường đang cùng người hướng dẫn Tanaka lắp ráp giàn giáo.

Unit 1 - 1

たなか
田中 あしばく おわ
足場組むのは終わったかい？

クオン おわ
はい、終わりました。

たなか
田中 ぜんぶ
全部チェックした？

クオン
はい。

たなか
田中 あ、ここのボルトがだめだよ。
これが締まってなかったら事故になる。
やり直して。

クオン
はい。これでいいですか。

たなか
田中 うん、これでいいよ。

Tanaka Anh lắp giàn giáo xong chưa?

Cường Xong rồi ạ.

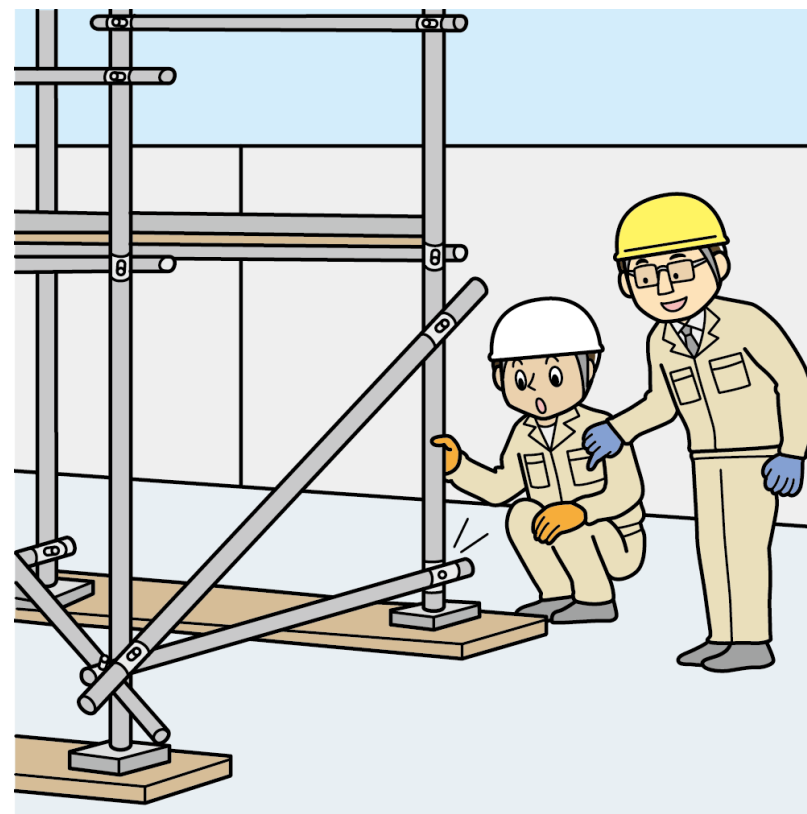
Tanaka Anh đã kiểm tra hết chưa?

Cường Rồi ạ.

Tanaka À, bu lông chỗ này chưa được.
Không vặn chặt cái này là sẽ xảy ra tai nạn.
Anh làm lại đi.

Cường Vâng. Như thế này được chưa anh?

Tanaka Rồi, như vậy được rồi.



かならずしつもん かくにん
わからないことがあったら、必ず質問したり、確認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra.

Unit 2

じっしゅうせい せんぱい さとう あしば かいたい
実習生のクオンさんと先輩の佐藤さんは、足場の解体をしています。

Unit 2

Thực tập sinh Cường và đàn anh Sato đang tháo dỡ giàn giáo.

Unit 2 - 1

さとう いま お
佐藤 今からパイプ下ろすよ。

クオン はい。

さとう も
佐藤 ちゃんと持った？

クオン も
はい。持ちました。

さとう はな
佐藤 じゃ、放すよ。

いい？

クオン だいじょうぶ
はい、大丈夫です。

Sato Bây giờ tôi sẽ hạ ống xuống đây.

Cường Rồi!

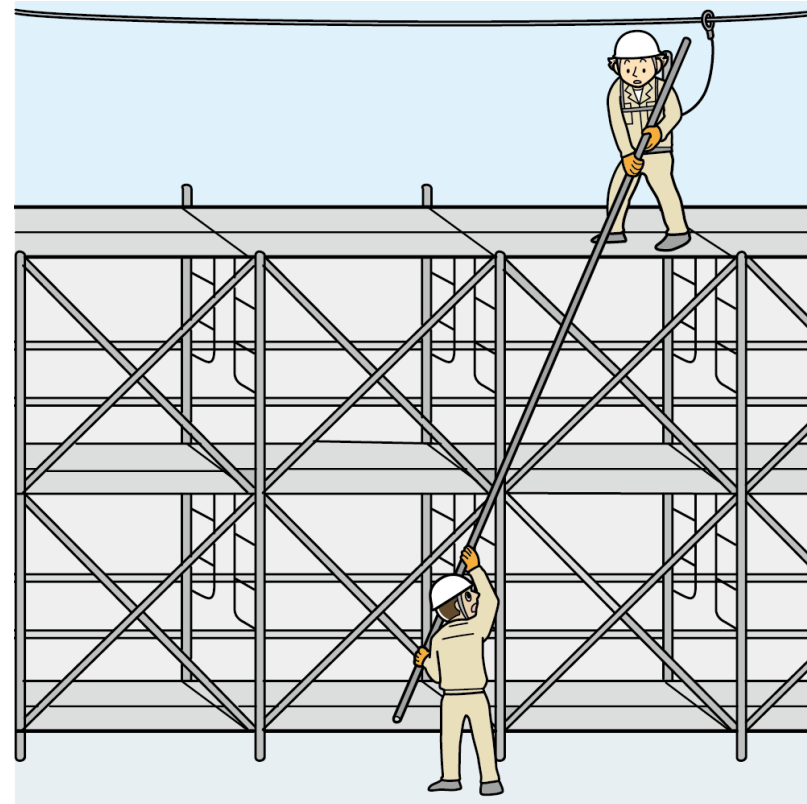
Sato Anh cầm chắc chưa?

Cường Tôi cầm chắc rồi.

Sato Vậy tôi thả ra đây.

Được chưa?

Cường Được rồi.



かいわ この会話の「はなす」は、「はな 放す (thả, buông ra)」という意味です。い み

おと おな はな い み ちが
音は同じですが、「話す (nói)」とは意味が違います。

Từ "はなす" trong đoạn hội thoại này có nghĩa là "放す(thả, buông ra)",
đồng âm nhưng khác nghĩa với từ "話す(nói)".

Unit 3

じっしゅうせい せんぱい さとう あしば うえ さぎょう
実習生のクオンさんと先輩の佐藤さんは、足場の上で作業をしています。

Unit 3

Thực tập sinh Cường và đàn anh Sato đang thao tác trên giàn giáo.

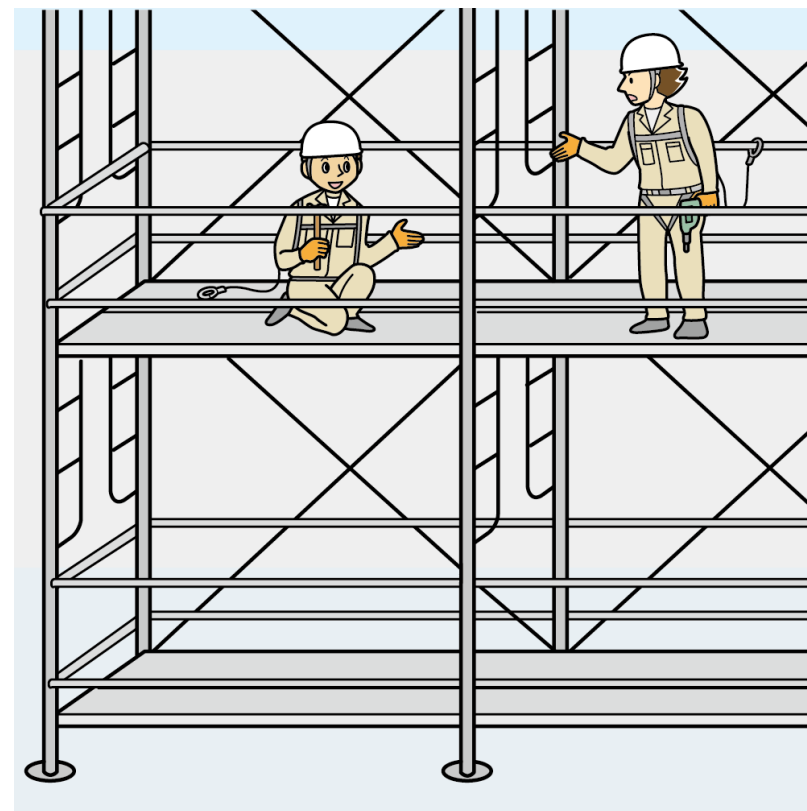
Unit 3 - 1

さとう 佐藤 あんぜんたい^あのフック^つを付けて作業^{さぎょう}しないとダメじゃないか。

クオン ここはあまり高くないから、大丈夫ですよ。

さとう 佐藤 ひく^{ひく} さぎょうちゅう^{さぎょうちゅう} お^お低いところでも作業中に落ちたらけがするぞ。
かならず^{かならず}付けろ。

クオン はい、わかりました。



Sato Làm việc mà không gắn móc dây đai an toàn là không được đâu.

Cường Chỗ này không cao lắm nên không sao đâu.

Sato Nơi thấp mà rơi xuống trong lúc làm cũng vẫn bị thương đó.

Nhất định phải gắn móc!

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.

Unit 3 - 2

クオン すみません、スパナを落としてしまいました。
 さとう あぶ
 佐藤 危ないぞ！
 おと
 どうして落とした？
 クオン ふくろ い
 袋に入れていませんでした。
 さとう さぎょう こうぐ かた
 佐藤 作業ごとに工具を片づけないとだめだろう。
 クオン はい、すみません。
 さとう した ひと
 佐藤 下にいる人がけがするぞ。
 き
 気をつけろ！

Cường Xin lỗi. Tôi đánh rơi cờ lê.

Sato Nguy hiểm thế!

Tại sao lại đánh rơi?

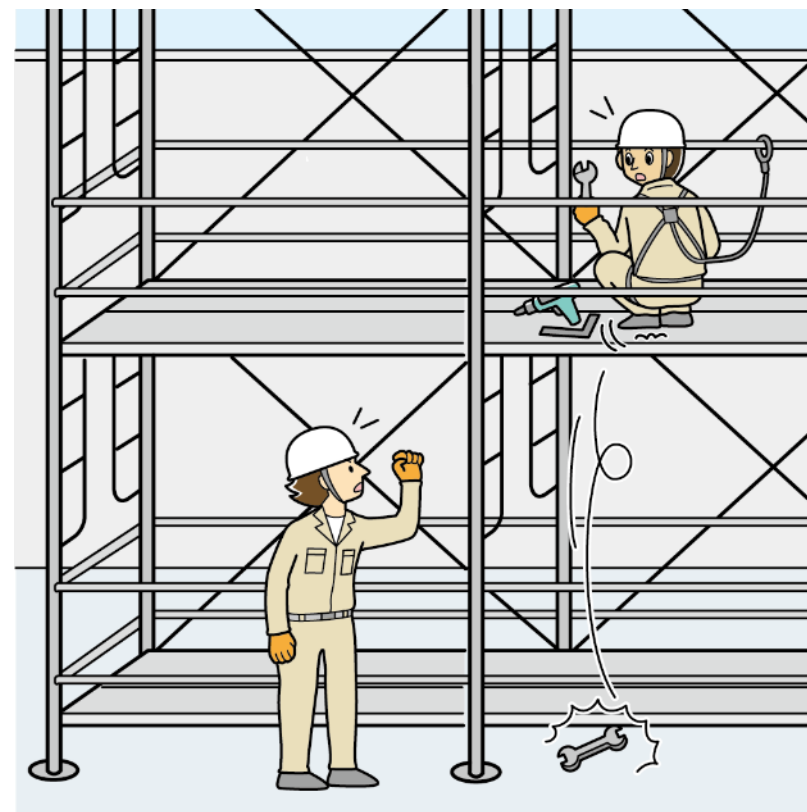
Cường Tôi không cho nó vào túi.

Sato Phải cất dụng cụ sau mỗi lần thao tác chứ.

Cường Vâng, tôi xin lỗi.

Sato Người ở phía dưới sẽ bị thương đấy!

Cẩn thận vào!



けんせつげんば とき おおごえ ど な
 建設現場では、時に大声で怒鳴られたりすることがありますが、それは
 あなたや周りの人の安全を守るためです。

Tại công trường xây dựng, có những khi bạn bị rầy la lớn tiếng, nhưng
 đó là để đảm bảo an toàn cho chính bạn và những người xung quanh.

だい か
第13課

さぎょう かたわくせ こう
作業 型枠施工

Bài 13

Công việc Công tác ván khuôn

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか かたわく かこうじょ さぎょう
実習生のクオンさんは、指導員の田中さんと型枠の加工所で作業をしています。

Unit 1

Thực tập sinh Cường đang cùng người hướng dẫn Tanaka thao tác ở khu vực gia công ván khuôn.

Unit 1 - 1

たなか
田中 クオンさん、コンパネ、この加工帳かこうちょうどおりカットしてね。
あした も すんぽう かず かくにん
明日持っていくから。寸法と数は確認してね。

クオン
はい。あ、田中さん。
これは「8」ですか？「9」ですか？

たなか
田中 「8」だね。

クオン
わかりました。

.....

クオン
お
終わりました。

たなか
田中 わかった。見るからそこに置いといて。

クオン
はい。

Tanaka Anh Cường, anh cắt ván khuôn theo đúng như trong sổ tay gia công này nhé.
Ngày mai sẽ mang đi nên anh hãy kiểm tra kích cỡ và số lượng.

Cường Vâng. À, anh Tanaka!
Đây là số "8" hay "9"?

Tanaka "Số 8".

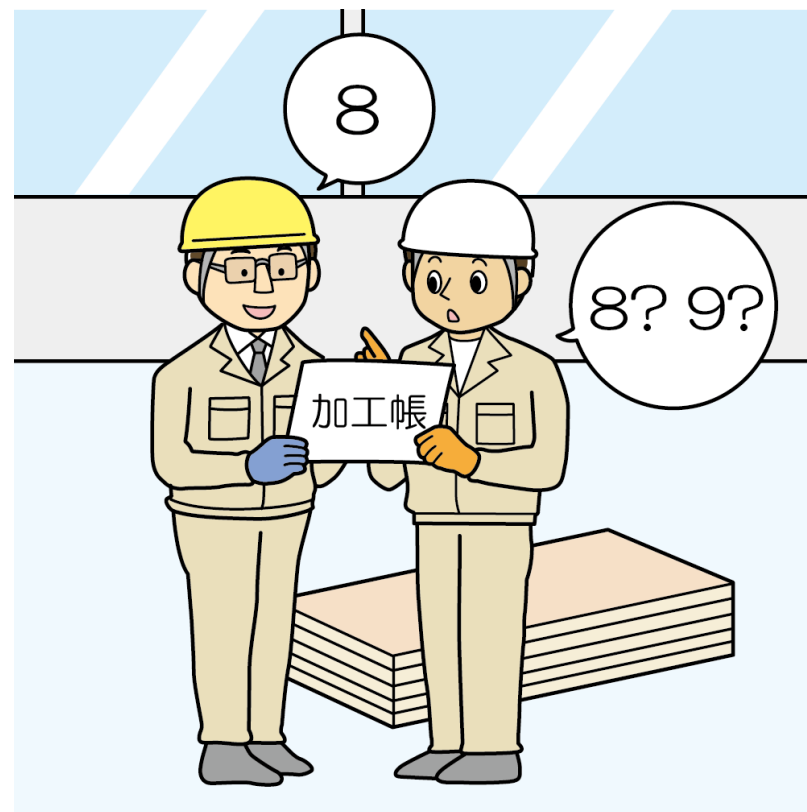
Cường Tôi hiểu rồi.

.....

Cường Tôi làm xong rồi.

Tanaka Được rồi. Anh để đấy, tôi sẽ xem.

Cường Vâng.



わからないことがあったら、作業さぎょうの前に 必ずまえ かなら質問しつもんしたり、確認かくにんしたりしま
しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 2

じっしゅうせい しどういん たなか さぎょう
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、コンパネのケレンがけ作業をします。

Unit 2

Thực tập sinh Cường cùng người hướng dẫn Tanaka làm sạch ván khuôn gỗ
dán.

Unit 2 - 1

たなか
田中 クオンさん、^{いま}今からケレンがけするよ。

クオン ケレン…？
^{なん}何ですか？

たなか
田中 「ケレンがけ」。

コンパネについたコンクリート^とを取るんだよ。
きれいにしてコンパネ^{さいりよう}を再利用するんだ。

クオン コンクリート^とを取るんですね。

たなか
田中 そう。こんなふうにやってみて。

クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, bây giờ 「ケレンがけ(けれんがけ)」* nhé.

Cường Keren...?
Làm gì cơ ạ?

Tanaka 「ケレンがけ"Kerengake"」*.

Là loại bỏ bê tông dính trên ván khuôn.

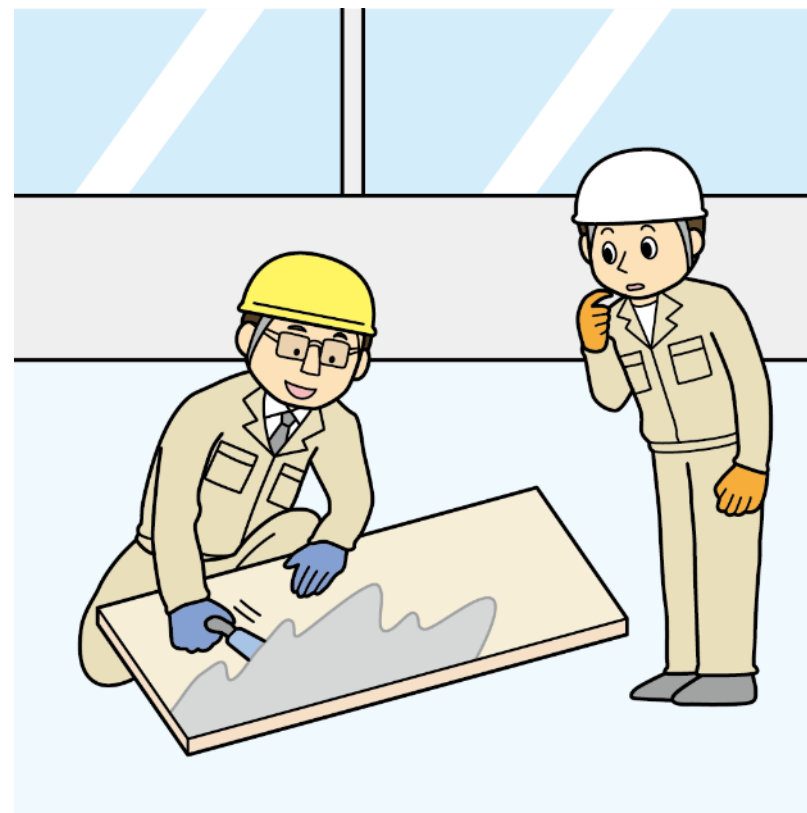
Làm sạch ván khuôn gỗ dán và tái sử dụng.

Cường Tức là loại bỏ bê tông ạ.

Tanaka Đúng rồi. Anh thử làm như thế này này.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.

*Làm sạch ván khuôn



わからないことがあったら、^{さぎょう}作業の^{まえ}前に^{かならずしつもん}必ず質問したり、^{かくにん}確認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt đầu công việc.

Unit 3

じっしゅうせい しどういん たなか まる つか さぎょう
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、丸のこを使う作業をします。

Unit 3

Thực tập sinh Cường cùng người hướng dẫn Tanaka thao tác với cưa đĩa

Unit 3 - 1

たなか 田中 この丸のこには安全カバーがついてるから、作業中、外さないで。
それと丸のこの後ろに手を置かないように。

クオン どうしてですか。

たなか 田中 キックバックすると危ないから。

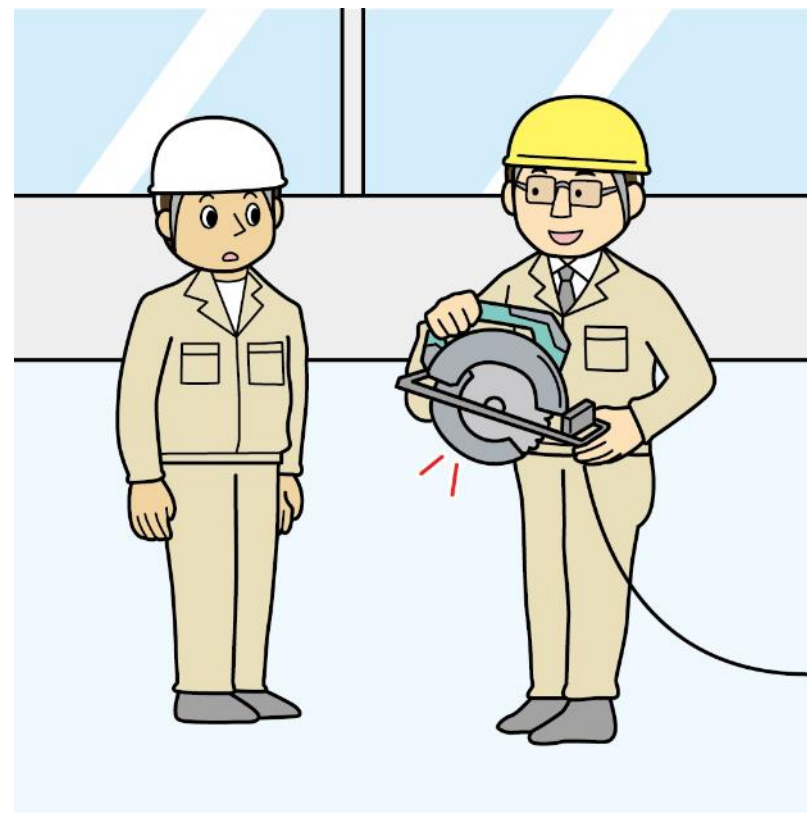
クオン わかりました。

Tanaka Máy cưa đĩa này có nắp bảo vệ. Trong lúc thao tác anh đừng tháo ra.
Vớ lại anh cũng nhớ không để tay ở phía sau máy cưa đĩa.

Cường Tại sao vậy anh?

Tanaka Vì nếu bị bật ngược lại thì sẽ nguy hiểm.

Cường Tôi hiểu rồi.



わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしま
しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 4

じっしゅうせい しどういん たなか じどう う き つか さぎょう
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、自動くぎ打ち機を使う作業を
します。

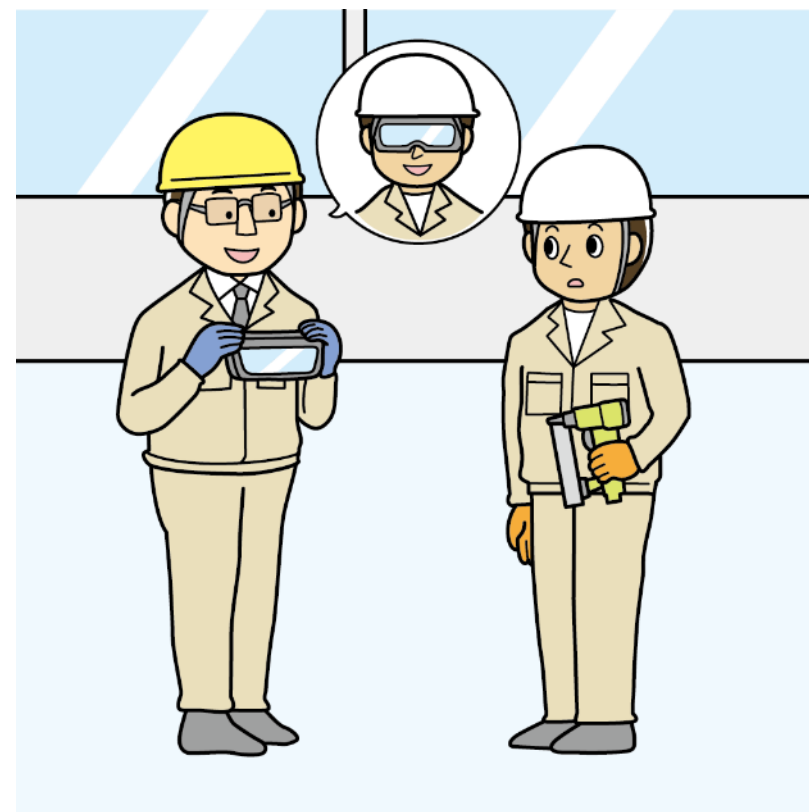
Unit 4

Thực tập sinh Cường cùng người hướng dẫn Tanaka thao tác với máy bắn
đinh tự động.

Unit 4 - 1

たなか
田中 クオンさん、くぎ打ち機を使うときは保護メガネをかけて。
かなら
クオン 必ずかけますか。
たなか
田中 そう、必ず。
くぎ は め はい あぶ
釘が跳ねかえって目に入ったら危ないからね。
クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, nhớ đeo kính bảo hộ khi dùng máy bắn đinh.
Cường Phải đeo ạ?
Tanaka Đúng rồi. Phải đeo.
Vì nếu đinh văng vào mắt thì sẽ nguy hiểm.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



さぎょう まえ かならずしつもん かくにん
わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしま
しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

だい か
第14課

さぎょう てっきん せ こう
作業 鉄筋施工

Bài 14

Công việc Công tác cốt thép

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか さぎょうば てっきん ま さぎょう
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、作業場で鉄筋を曲げる作業を
します。

Unit 1

Thực tập sinh Cường và người hướng dẫn Tanaka uốn cốt thép tại khu vực
gia công vật liệu.

Unit 1 - 1

たなか
田中 クオンさん、鉄筋、加工帳をよく見て 30本切って。

クオン はい、30本ですね。

たなか
田中 切る前にちゃんと径を確認して。

クオン はい。

たなか
田中 それから長さもね。

クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, anh đọc kỹ sổ tay gia công và cắt 30 thanh cốt thép nhé.

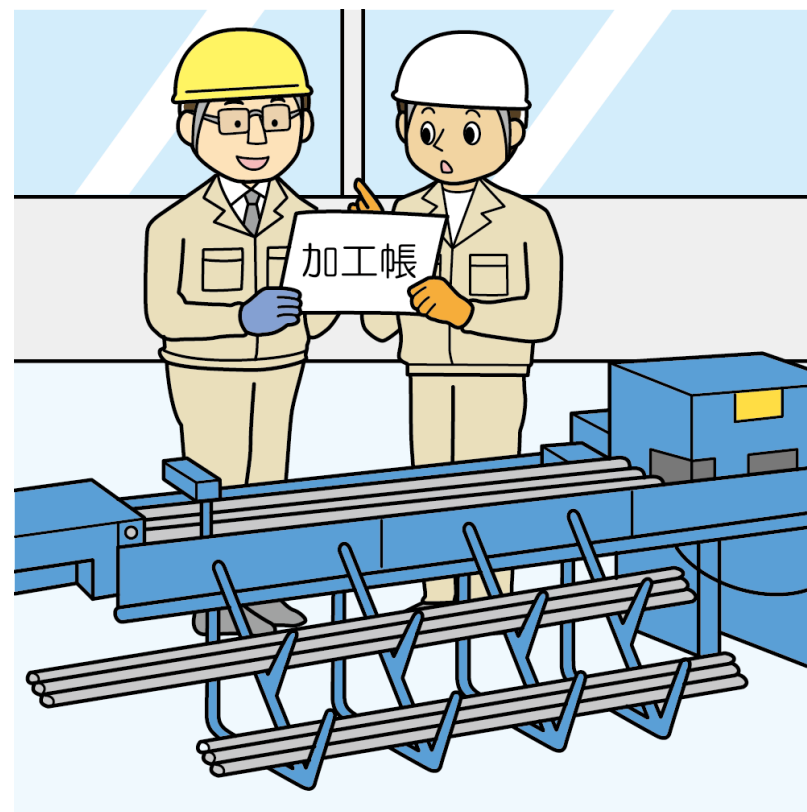
Cường Vâng, 30 thanh.

Tanaka Trước khi cắt anh nhớ kiểm tra đường kính.

Cường Vâng.

Tanaka Và cả chiều dài nữa.

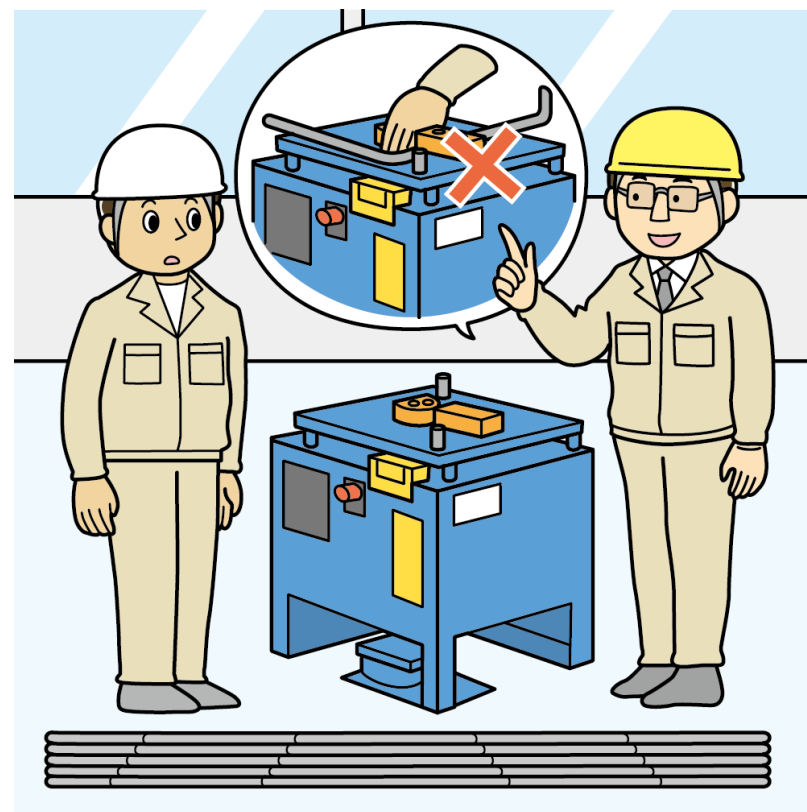
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



Unit 1 - 2

たなか
田中 クオンさん、ベンダー^{つか}使うときは巻き込まれないようにね。
クオン はい。
たなか
田中 ^な慣れてくると、^{ちゅうい}注意するのを^{わす}忘れちゃうから。
^きけがしやすいから気をつけて。
クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, khi dùng máy ép uốn, anh chú ý để không bị cuốn vào máy nhé.
Cường Vâng.
Tanaka Khi bắt đầu quen rồi thì người ta lại dễ sơ suất.
Rất dễ bị thương nên anh hãy cẩn thận.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



Unit 2

じっしゅうせい しどういん たなか けっそくせん てっきん
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、ハッカーと結束線で鉄筋を
けっそく
結束しています。

Unit 2

Thực tập sinh Cường và người hướng dẫn Tanaka đang dùng móc và dây
buộc thép để buộc cốt thép.

Unit 2 - 1

たなか 田中 クオンさん、^{いま}今から^{てっせん}ハッカーで^{けっそく}鉄筋を結束するよ。

よく見てて。

クオン はい。

たなか 田中 ^し締めすぎると^{けっそくせん}結束線が^き切れるから^き気をつけて。

クオン はい、わかりました。

^{むず}……難しいですね。

すみません。もう^{いちど}一度^み見せてください。

たなか 田中 いいよ。

^{いちど}もう一度やるからよく見て。

クオン はい、ありがとうございます。

Tanaka Anh Cường, bây giờ sẽ dùng móc để buộc cốt thép nhé.

Anh hãy nhìn kỹ.

Cường Vâng.

Tanaka Anh hãy chú ý nếu thắt chặt quá thì dây buộc sẽ đứt.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.

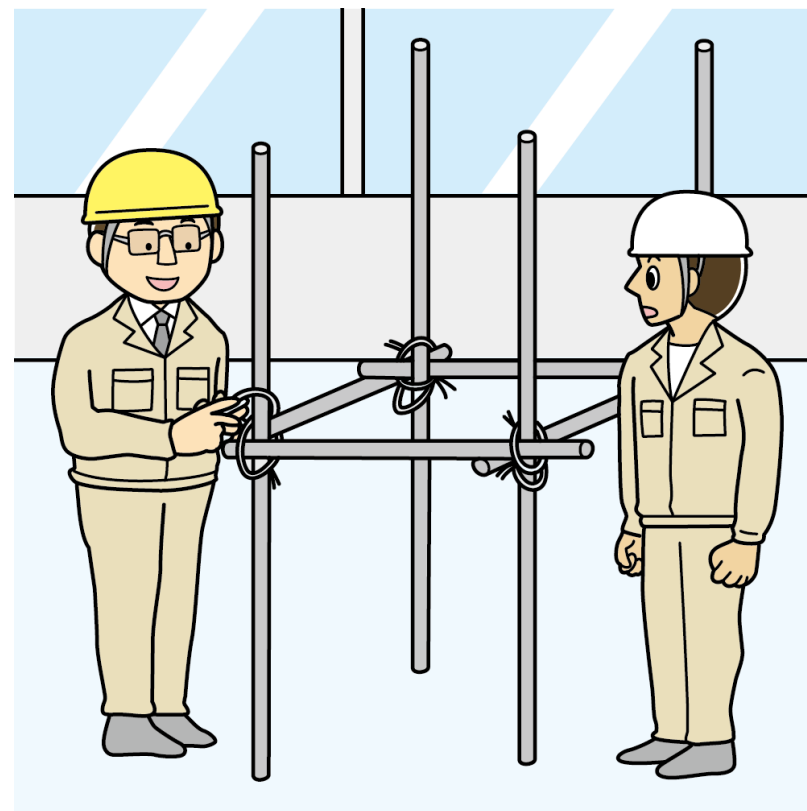
...Khó quá nhỉ.

Xin lỗi. Anh hãy làm lại cho tôi xem.

Tanaka Được thôi.

Tôi sẽ làm lại. Anh nhìn kỹ nhé.

Cường Vâng. Cảm ơn anh.



わからないことがあったら、^{さぎょう}作業の^{まえ}前に必ず^{かならずしつもん}質問したり、^{かくにん}確認したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt đầu công việc.

Unit 2 - 2

たなか
田中 クオンさん、^ち血、^で出てるよ。

どうしたの？

クオン ^{けっそくせん}結束線で…

でもちょっとだから大丈夫です。^{だいじょうぶ}

たなか
田中 ^てすぐに手を洗って^{あら}ばんそうこうを^は貼っというて。

^{けっそくせん}結束線は^{さき}先がとが^てがってて^さ手に刺^ささることがあるから^き気をつけないと。

クオン はい、わかりました。

Tanaka Anh Cường, anh bị chảy máu kia!

Anh sao thế?

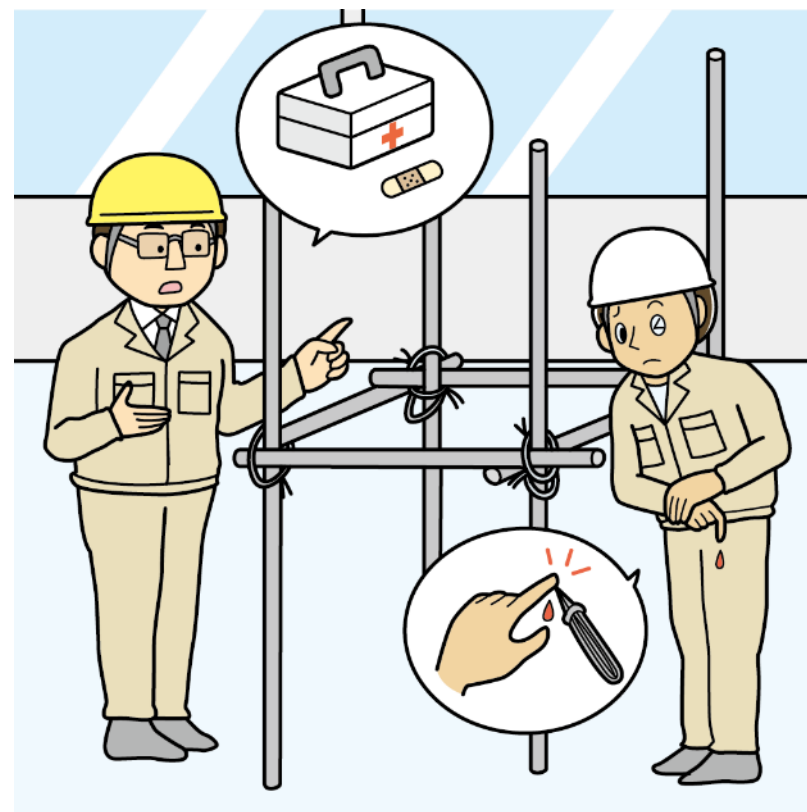
Cường Tại dây buộc thép...

Nhưng mà tôi chỉ bị một chút thôi, không sao đâu.

Tanaka Anh rửa tay và dán băng vết thương vào ngay đi.

Dây buộc thép nhọn, dễ đâm vào tay nên phải cẩn thận.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



だい か
第15課

さぎょう けんせつき か い せ こう
作業 建設機械施工

Bài 15

Công việc Vận hành máy xây dựng

Unit 1

じっしゅうせい
実習生のクオンさんは、バックホウの背後のはいご旋回範囲内せんかいはんいに入はいってしまいました。
た。

Unit 1

Trong lúc dọn dẹp, thực tập sinh Cường đã sơ ý đi vào trong phạm vi quay ở phía sau của máy xúc.

Unit 1 - 1

- たなか 田中 ^{かんしん ふえ おと}
(監視員の笛の音「ピー！」)
はや 早く!こっちこい!
- クオン え?
(クオンさんが安全区域に到着してから)
たなか 田中 ^{せんかいはんい ない はい}
旋回範囲内に入るな!
^{む か}
バックホウが向きを変えたら、どうすんだ!
- クオン あ!
たなか 田中 ^{じ こ し}
事故で死ぬこともあるんだぞ。
^{まわ み}
周りをよく見ろ。
- クオン すみません。これから気をつけます。

(Tiếng còi "Tuýt!" của giám sát viên)

Tanaka Lại đây ngay!

Cường Dạ?

(Sau khi Cường đã đến khu vực an toàn)

Tanaka Không được vào trong phạm vi xoay của máy xúc!

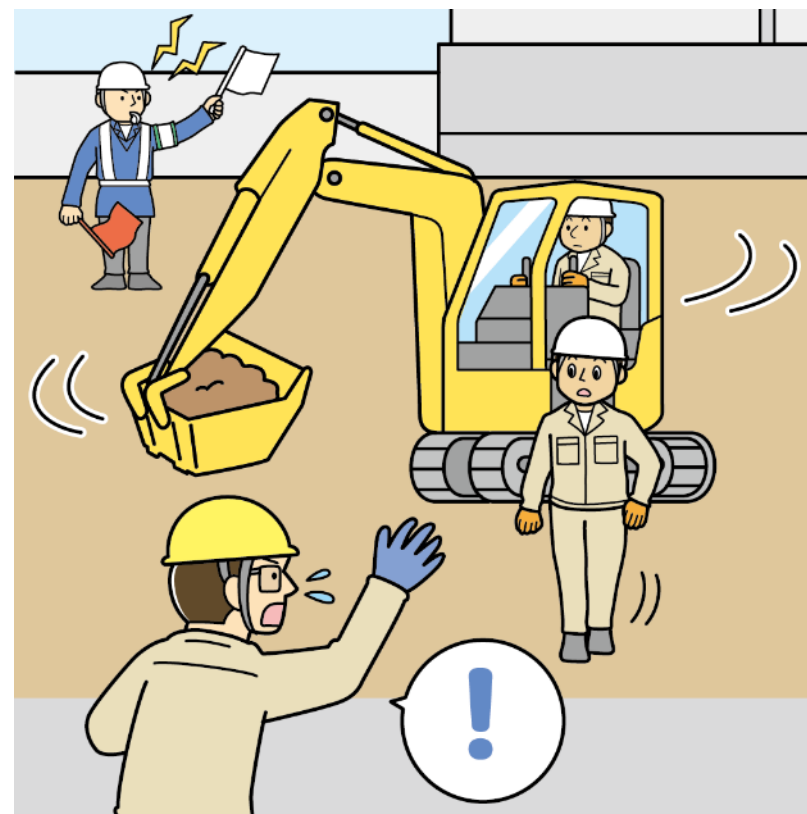
Khi máy xúc đổi hướng thì làm thế nào?!

Cường À!

Tanaka Có thể chết vì tai nạn đấy!

Hãy quan sát kỹ xung quanh!

Cường Tôi xin lỗi. Từ giờ trở đi tôi sẽ cẩn thận.



^{おおがたじゅうき うんてんせき しゅうい み}
大型重機の運転席からは周囲が見えにくいので、注意しましょう。
^{ちゅうい}

Vì từ trên ghế lái máy móc hạng nặng khó nhìn xung quanh nên bạn hãy chú ý.

Unit 2

じっしゅうせい げんばない いどうちゅう ちか
実習生のクオンさんは、現場内を移動中、とまっているクレーンのすぐ近くを
とお
通ろうとしています。

Unit 2

Trong lúc di chuyển bên trong công trường, thực tập sinh Cường định đi ngang qua ngay gần xe cầu đang ngừng hoạt động.

Unit 2 - 1

たなか
田中 ちか
そこ、近づいちゃだめだよ。

クオン でもこれ、とまっていますよ。

たなか
田中 うえ み
上、見て。

クレーンがあるだろう。

たお
倒れることもあるんだぞ。

とき ちか い
とまってる時も近くに行くなよ。

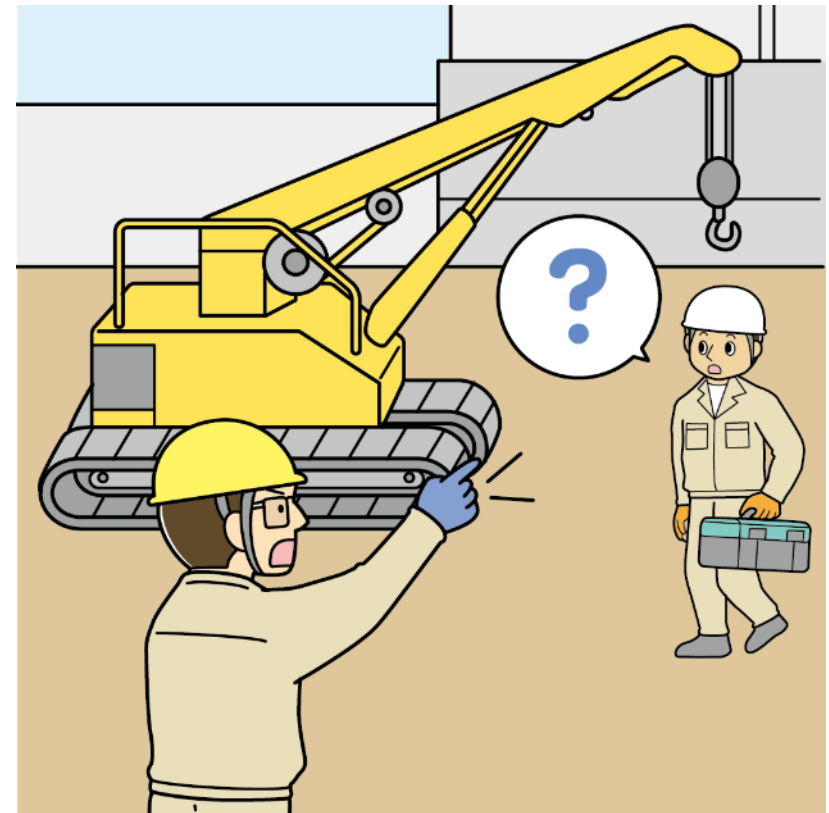
クオン すみません。

Tanaka Không được lại gần chỗ đó!

Cường Nhưng nó đang ngừng hoạt động mà.

Tanaka Anh hãy nhìn lên trên.
Có cần cầu phải không.
Nó có thể đổ xuống đấy.
Dù nó đang ngừng hoạt động thì cũng không được đến gần.

Cường Tôi xin lỗi.



Unit 3

じっしゅうせい せんぱい さとう いどう
実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんとパネルを移動しています。

 まえ さぎょう
クオンさんはフォークリフトの前で作業します。

Unit 3

Thực tập sinh Cường đang cùng đàn anh Sato di chuyển tấm panen.

Cường thao tác ở phía trước xe nâng hàng.

Unit 3 - 1

さとう いどう
佐藤 パネルを移動するぞ。
した かく お
下にバタ角、置いてくれよ。

クオン
さとう
佐藤 はい。
と まえ で
フォークリフトが止まる前に出たら、ぶつかるぞ。
い お
こっちが OK って言ったら、置くんた。
あいず き
合図をよく聞いて。
さとう やま つ ぜんしん と
(佐藤さん、フォークリフトでパネルの山を積んで前進、止まる)

さとう
佐藤 はい、OK!
かく お
バタ角置いて!

クオン
はい。OK です。

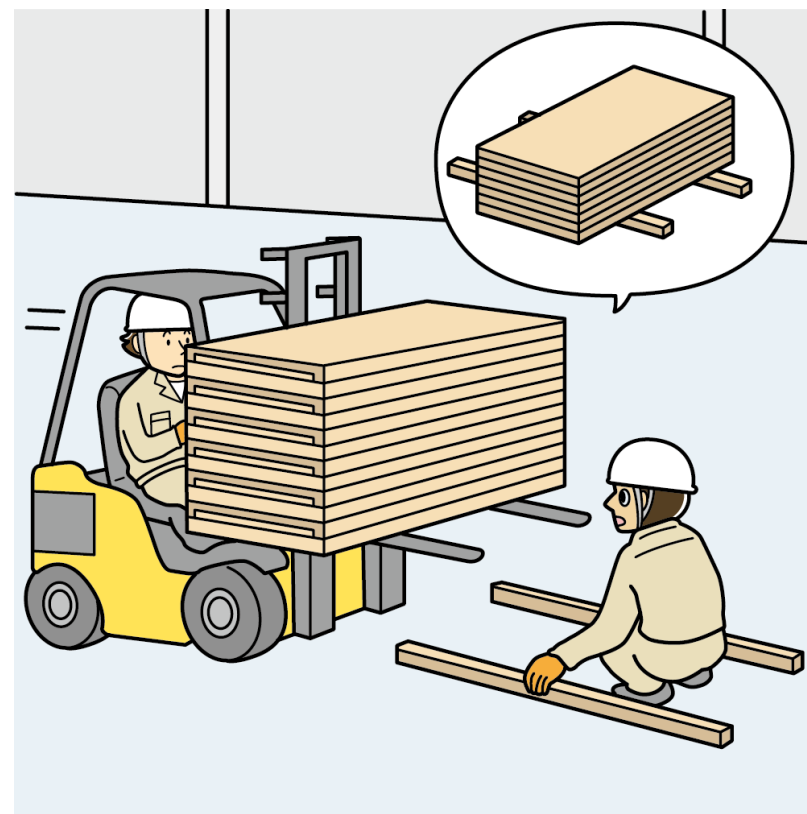
Sato Di chuyển tấm panen đây.
Anh đặt thanh gỗ dài xuống dưới cho tôi.

Cường Rõ!

Sato Anh mà ra trước khi xe nâng dừng là bị xe đụng đấy.
Khi tôi nói OK thì hãy đi.
Nhớ nghe kỹ hiệu lệnh.
(Anh Sato dùng xe nâng nhắc cả chồng tấm panen, lái về phía trước và dừng lại.)

Sato Rồi, OK!
Anh để thanh gỗ đi!

Cường Rõ. OK.



だい か
第16課

Bài 16

あとかた
後片づけ

Dọn dẹp

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか あとかた
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、後片づけをしています。

Unit 1

Thực tập sinh Cường và người hướng dẫn Tanaka đang tiến hành dọn dẹp.

Unit 1 - 1

クオン ^{たなか} 田中さん、すみません。
これ、どこに^お置いておきますか。
^{たなか} 田中 ^{さいりよう} このコンパネは再利用できるから、こっち。
ゴミはあっちに。
きちんと^{ぶんべつ}分別してね。
クオン はい、わかりました。

Cường Xin lỗi, anh Tanaka!
Cái này tôi để vào đâu?
Tanaka Ván khuôn gỗ dán này còn dùng lại được nên anh để đây.
Rác để đằng kia.
Anh nhớ phân loại kỹ nhé.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



わからないことがあったら、作業の^{さぎょう}前に^{まえ}必ず^{かなら}質問^{しつもん}したり、確認^{かくにん}したりしましょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt đầu công việc.

Unit 1 - 2

たなか 田中 きょう さぎょう お
今日の作業はこれで終わり。
ここ、片づけてね。
クオン はい。
すみません、ハンマーはどこに片づければいいですか。
たなか 田中 こうぐばこ い しざい お ば お
工具箱に入れて、資材置き場に置いて。
クオン はい、わかりました。

Tanaka Công việc hôm nay đến đây là hết.
Anh dọn chỗ này đi nhé.
Cường Vâng.
Xin lỗi, búa cắt đầu anh?
Tanaka Anh cho vào hộp dụng cụ và để ở khu vực để vật liệu.
Cường Vâng, tôi hiểu rồi.



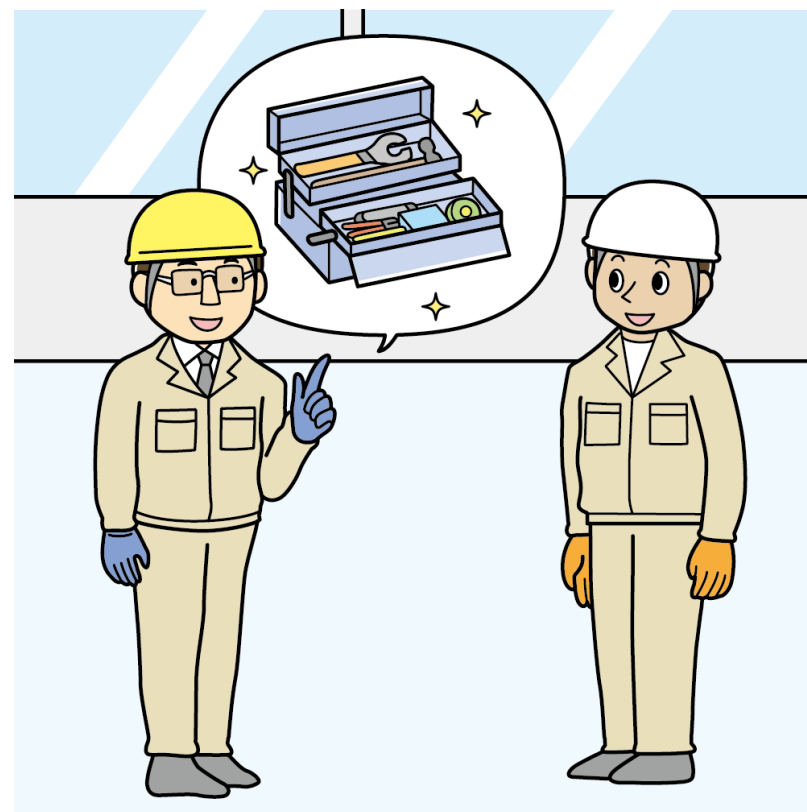
わからないことがあったら、作業の前に必ず質問したり、確認したりしま
しょう。

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra trước khi bắt
đầu công việc.

Unit 1 - 3

クオン すみません。
かた お
片づけ、終わりました。
たなか こうぐ ぜんぶ かくにん
田中 工具、全部そろってるか確認した？
クオン かくにん
はい、確認しました。
たなか くらう
田中 はい、ご苦労さま。

Cường Xin lỗi.
Tôi dọn dẹp xong rồi.
Tanaka Anh đã kiểm tra dụng cụ có đủ hay không chưa?
Cường Tôi kiểm tra rồi.
Tanaka Rồi. Cảm ơn anh đã vất vả.



だい か
第17課

さぎょうしゅうりょう じ かくにん
作業終了時の確認

Bài 17

Kiểm tra khi kết thúc công việc

Unit 1

じっしゅうせい しどういん たなか しゅうぎょうてんけん
実習生のクオンさんと指導員の田中さんは、終業点検をしています。

Unit 1

Thực tập sinh Cường và người hướng dẫn Tanaka đang kiểm tra khi kết thúc công việc.

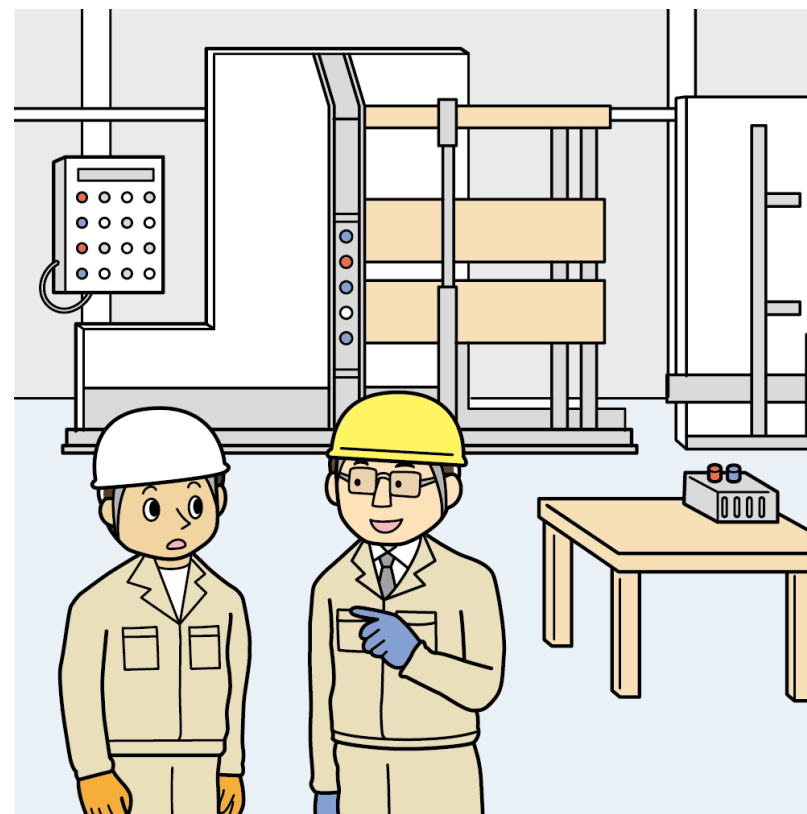
Unit 1 - 1

たなか きかい でんげん ぜんぶ き
田中 機械の電源、全部切った？

クオン はい、切^きりました。

たなか かくにん
田中 確認は？ した？

クオン いっかいかくにん
もう一回確認してきます。



Tanaka Anh tắt hết nguồn điện của máy móc chưa?

Cường Tôi tắt rồi.

Tanaka Anh đã kiểm tra lại chưa?

Cường Tôi sẽ kiểm tra lại.

Unit 1 - 2

たなか 田中 あした かぜ つよ
明日、風、強いらしいよ。
パネルにチェーン、かけといてくれた？

クオン はい、かけました。
たなか はや
田中 早いね。
かぜ と こてい
風で飛ばないように、ちゃんと固定しててね。

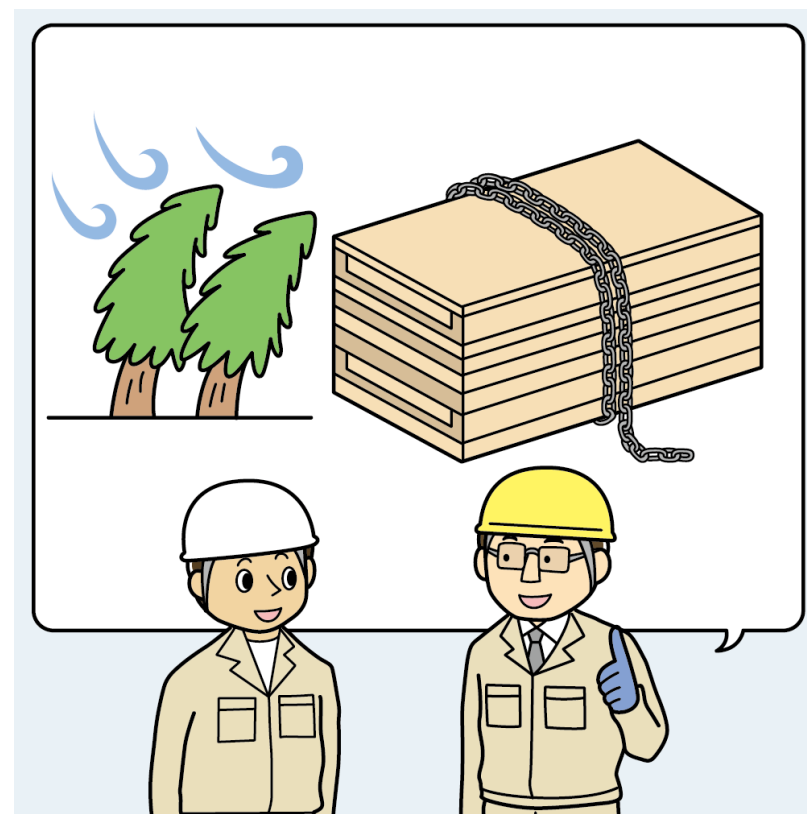
クオン はい、わかりました。もう一度確認します。
いちどかくにん

Tanaka Hình như ngày mai gió mạnh đấy.
Anh đã quấn xích vào các tấm panen cho tôi chưa?

Cường Tôi làm rồi.

Tanaka Nhanh nhí.
Anh hãy cố định thật chắc để các tấm đó không bị gió thổi xô lệch.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi. Tôi sẽ kiểm tra một lần nữa.



Unit 1 - 3

たなか
田中 あした きょう つづ
明日は今日の続きをするからね。

クオン はい、わかりました。

たなか
田中 あした
じゃ、明日もよろしく。

つか
お疲れさま。

クオン つか
お疲れさまでした。

しつれい
失礼します。

Tanaka Ngày mai sẽ làm từ phần tiếp theo của ngày hôm nay.

Cường Vâng, tôi hiểu rồi.

Tanaka Thế ngày mai anh lại giúp đỡ tôi nhé.

Cảm ơn anh đã vất vả.

Cường Cảm ơn anh đã vất vả.

Tôi xin phép.



だい 8 か
第18課

い どう きゅうけい
移動・休憩

Bài 18

Di chuyển / Nghỉ giải lao

Unit 1

クオンさんたち実習生は、先輩の佐藤さんの運転する車で今日の現場に向
かっています。

Unit 1

Thực tập sinh Cường đang được đàn anh Sato lái xe chở đến công trường
ngày hôm nay.

Unit 1 - 1

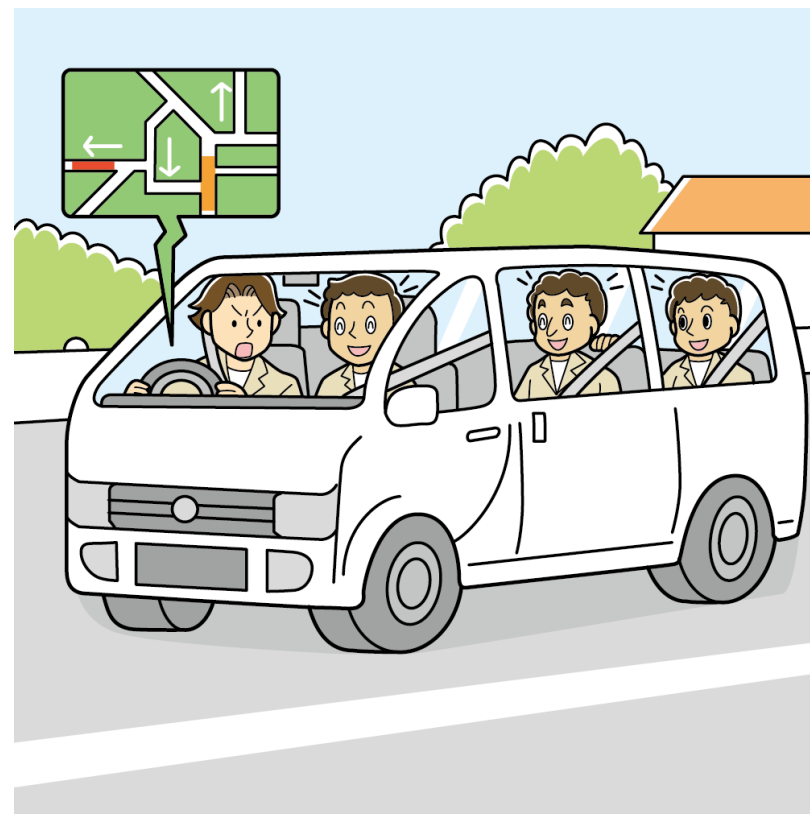
さとう　　しず
佐藤　　ちょっと、静かにして!

クオン　え？
 さとう　いま　じゅうたいしだいとうぼう　き

さとう いま じゅうたいじょうほう き
佐藤 今、ラジオで渋滞情報聞いているんだ。

うるさくて聞^きこえないよ。

クオン ^き 気がつかなくて、すみません。



Sato Khẽ nào!

Cường Dạ?

Sato Bây giờ tôi đang nghe thông tin về tắc đường trên đài radio.

Ồn quá nên tôi không nghe thấy gì cả.

Cường Xin lỗi anh, tôi không nhận ra.

Unit 2

じっしゅうせい せんぱい さとう うんてん くるま きょう げんば お
実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんの運転する車で今日の現場に向
かっています。

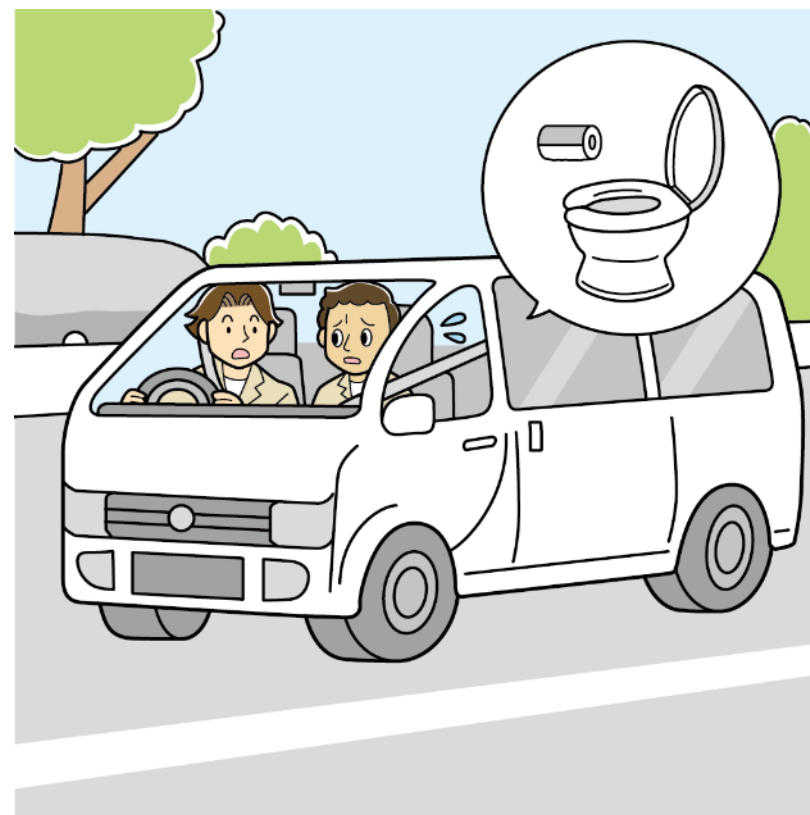
Unit 2

Thực tập sinh Cường đang được đàn anh Sato lái xe chở đến công trường
ngày hôm nay.

Unit 2 - 1

クオン さとう
佐藤さん、すみません。
コンビニに行きたいんですが。
さとう どうした？
クオン ちょっとトイレに行きたくて…
さとう わかった。
佐藤 じゃ、次のコンビニでとめるよ。
クオン ありがとうございます。

Cường Xin lỗi anh Sato.
Tôi muốn đến cửa hàng tiện lợi.
Sato Sao vậy?
Cường Tôi muốn đi toilet...
Sato Rồi rồi.
Vậy thì tôi sẽ đỗ ở cửa hàng tiện lợi sắp tới.
Cường Cảm ơn anh.



Unit 3

ちゅうしょくご じっしゅうせい
昼食後、実習生のクオンさんは、ペットボトルをごみ箱に捨てようとしています。

Unit 3

Sau bữa trưa, thực tập sinh Cường đang định vứt bình nhựa vào thùng rác.

Unit 3 - 1

さとう 佐藤 クオンくん、それ、そこじゃないよ。
クオン え、これゴミですよ。
どうしてですか。
さとう 佐藤 カンやペットボトルは分別して捨てるんだ。
それはあっちのごみ箱に捨てて。
クオン わ
分けるんですね。
わかりました。

Sato Anh Cường, cái đó không phải vứt chỗ đó đâu.
Cường Ủa, đây là rác mà.
Tại sao thế ạ?
Sato Lon và bình nhựa cần vứt riêng.
Cái đó anh vứt vào thùng rác đằng kia.
Cường Phân loại nhì.
Tôi hiểu rồi.



わからないことがあったら、必ず質問したり、確認したりしましょう。
かなら しつもん かくにん

Nếu có điều gì không hiểu, bạn hãy nhớ hỏi hoặc kiểm tra.

Unit 4

ちゅうしょくご じっしゅうせい せんばい さとう はな
昼食後、実習生のクオンさんは、先輩の佐藤さんと話しています。

Unit 4

Sau bữa trưa, thực tập sinh Cường đang nói chuyện với đàn anh Sato.

Unit 4 - 1

クオン ^{さとう}佐藤さん、それ ^{あたら}新しい ^{あんぜんぐつ}安全靴ですか。

いいですね。

^{さとう}佐藤 うん。いいでしょ？

クオン ^かどこで買ったんですか。

^{さとう}佐藤 あんぜんマート。

^{やす}あそこ、安くていいものがあるよ。

クオン ^{わたし}私も行きたいです。

^{みせ}店の場所 ^{ばしょ}を ^{おし}教えてください。

^{さとう}佐藤 ^{にちようびいっしょ}じゃ、日曜日一緒に ^い行くか？

クオン いいんですか？ ^{ねが}ぜひ、よろしくお願いします。

Cường Anh Sato, giày bảo hộ mới đây ạ?

Trông được nhỉ.

Sato Ủ, được nhỉ.

Cường Anh mua ở đâu đây?

Sato Anzen Mart.

Chỗ đó hàng rẻ mà lại tốt.

Cường Tôi cũng muốn đi.

Anh chỉ cho tôi vị trí cửa hàng với.

Sato Thế thì chủ nhật tôi đi cùng anh nhé?

Cường Thật ạ? Thế thì nhờ anh giúp tôi.

